

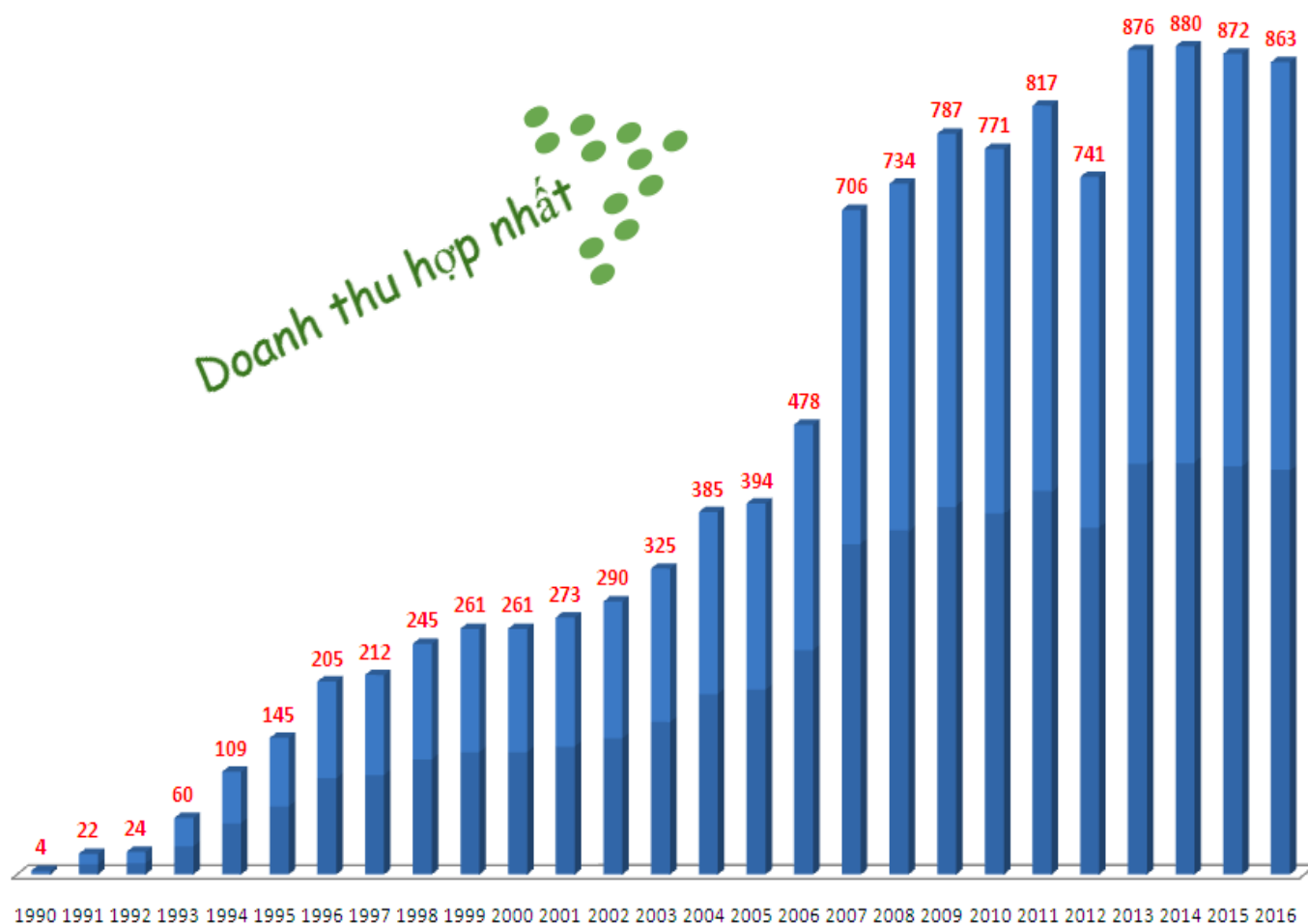


CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SAIGON
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2016





SPC Xanh, Thêm Xanh



NỘI DUNG



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát	07
Lịch sử hình thành và phát triển	09
Phạm vi và mạng lưới	11
Cơ cấu sản phẩm	13
Tầm nhìn, sứ mạng; Mục tiêu, chiến lược	15
Phân tích SWOT	19



TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CỔ ĐÔNG

Cơ cấu quản trị	23
Thành viên Hội đồng quản trị	25
Thành viên Ban kiểm soát	27
Ban Giám đốc, kế toán trưởng	29
Nhân sự	31
Cổ đông	35



GIẢI ĐOẠN CỔ PHẦN HOÁ

Kết quả kinh doanh	41
Bảng Cân đối kế toán, Lưu chuyển tiền tệ	43
Các tỉ số tài chính	45
Quá trình cổ phần hóa	46



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	49
Báo cáo của Ban Điều Hành	57
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	63



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Hội đồng quản trị	71
Báo cáo Kiểm toán độc lập	73
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	75
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	79
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	80
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	82



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Khái quát; Ngành nghề; Quá trình
hình thành và phát triển; Mạng
lưới; Sản phẩm; Tầm nhìn, sứ
mạng; Mục tiêu, chiến lược



Xí nghiệp Sản xuất thuốc Bảo vệ thực vật Sài Gòn
ở KCN Hiệp PhướcThông tin khái
quát

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300632232 do Sở KHĐTTP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 21/05/2015

Vốn điều lệ: 105.300.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 105.300.000.000 đồng

Địa chỉ: KP.1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

Số điện thoại: 028.38733666

Số fax: 028.38733391 – 028.38733033

Website: www.spchcmc.vn

Mã cổ phiếu : SPC





2016

.....



Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất, gia công, mua bán, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

Sản xuất, gia công, mua bán phân bón, giống cây trồng

Kinh doanh thuốc thú y

Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính chất độc hại mạnh)

Dịch vụ tư vấn về trồng trọt

Dịch vụ xông hơi khử trùng

Dịch vụ xử lý chất thải, phân tích mẫu hóa chất

Đầu tư nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp và kỹ thuật phát triển máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp



28 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Chuyển thành Xi nghiệp
thuốc trừ sâu Sài Gòn:
bắt đầu hoạt động như
một đơn vị kinh tế hạch
toán độc lập

1993

1989



Nhà máy thuốc trừ sâu Sài Gòn trực
thuộc Chi cục Bảo Vệ Thực Vật
Tp.HCM chính thức được thành lập



1997

Đơn vị thành viên trực thuộc
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn

1994



Trở thành Công ty Thuốc Trừ Sâu Saigon, tên
giao dịch tiếng Anh là Saigon Pesticide Company.
Biểu trưng SPC bắt đầu được sử dụng

2004



Đổi tên thành:
Công ty TNHH 1 Thành viên BVTV Sài Gòn

2005

Mở văn phòng chi nhánh
tại Campuchia



Đầu tư thành lập:
Xí nghiệp Thuốc Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
tại KCN Hiệp Phước



2007

Đăng ký giao dịch
UPCOM

2010

Thành lập
VPDD Myanmar



2016

Doanh thu
gần 900
tỉ đồng

2011

Tăng vốn thành công
lên 105,3 tỉ đồng

2008



09/6/2008, Đại hội cổ đông lần đầu
14/6/2008 Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật
Saigon chính thức hoạt động theo mô hình mới

2006



Đầu tư thành lập
Công ty Nông nghiệp Saigon-Pakse
tại Champasak, Lào

NHỮNG GHI NHẬN

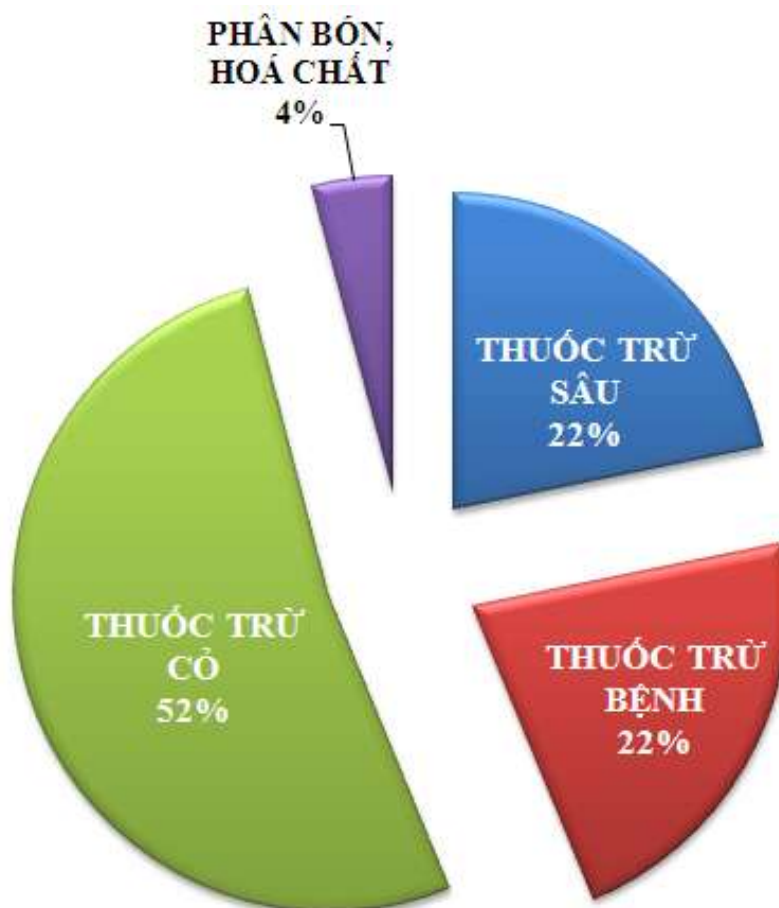
- Huân chương Lao động hạng II của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 11/02/2004 về "thành tích xuất sắc trong công tác từ 1998 – 2002 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Huân chương Lao động hạng III của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 12/8/1997 về "Thành tích xuất sắc trong công tác từ 1992 – 1996 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Bằng khen, cờ thi đua của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh liên tục từ năm 1993 – 2007.
- Biểu trưng "SPC" liên tục được bình chọn Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao từ năm 2005 đến nay.
- Chứng nhận của tổ chức Quacert và BVQI công nhận đạt hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2008 và ISO IEC 17025 từ năm 2001 cho đến nay.
- Chứng nhận ISO 14001

SPC được thành lập từ năm 1989, với 30 cán bộ công nhân viên sản xuất kinh doanh 03 sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật chủ yếu được tiêu thụ tại Tp.Hồ Chí Minh. Đến nay, SPC đã gần 500 cán bộ công nhân viên với hơn 80 sản phẩm thuốc BVTV và có hệ thống phân phối và dịch vụ rộng khắp trên cả nước với 15 Chi nhánh, 01 Trạm dịch vụ và gần 1000 đại lý; 01 Siêu thị Nông nghiệp; 01 Xí nghiệp sản xuất thuốc BVTV tại Tp.Hồ Chí Minh; và một số cửa hàng giới thiệu sản phẩm, văn phòng đại diện.

Bên cạnh thị trường Việt Nam, SPC còn có hoạt động tại các nước như: Lào, Myanmar và Campuchia. Đặc biệt thị trường tại Campuchia phát triển rất tốt, năm 2016 doanh thu tại Campuchia tăng 7 lần so với năm 2009.



CƠ CẤU SẢN PHẨM NĂM 2016



Thuốc trừ bệnh:

Là nhóm sản phẩm phụ thuộc vào tình hình thời tiết nhất, theo đó doanh số cũng chuyển biến theo tình hình dịch bệnh trong năm. Trong năm 2016, doanh số nhóm thuốc trừ bệnh chỉ chiếm khoảng 22% tổng doanh số SPC



Thuốc trừ cỏ: do thị trường thuốc trừ cỏ tương đối ổn định, ít phụ thuộc vào yếu tố thời tiết nên cũng như một số công ty khác trong ngành thì nhóm thuốc trừ cỏ của SPC chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản phẩm của Công ty với 52%.

Thuốc trừ cỏ lúa



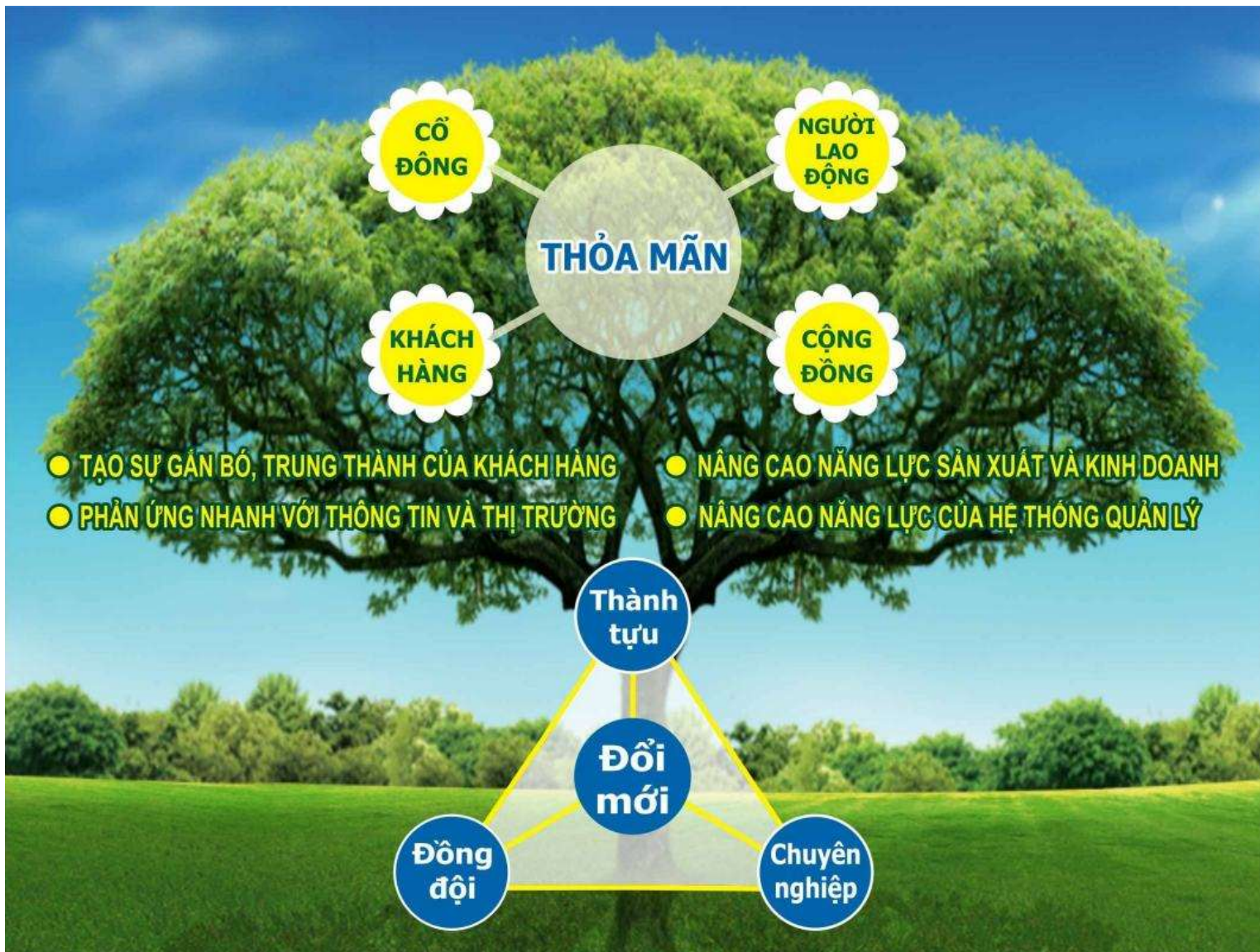
Thuốc trừ cỏ cạn



Thuốc trừ sâu: không như nhóm thuốc cỏ, nhóm sản phẩm thuốc trừ sâu này phụ thuộc khá nhiều vào tình hình thời tiết, doanh số nhóm thuốc trừ sâu chiếm khoảng 22% tổng doanh số của công ty trong năm 2016



VĂN HÓA CÔNG TY



TÀM NHÌN

Trở thành Công ty dịch vụ nông nghiệp nhiệt đới hàng đầu - Nơi tiên phong ứng dụng các phát minh và công nghệ mới.

SỨ MẠNG

Cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững.

Thành tựu

Sự thỏa mãn khách hàng, người lao động, cộng đồng, và các cổ đông là cơ sở của việc đánh giá những thành tựu của chúng tôi.

Chúng tôi luôn biết trân trọng những thành tựu của mình và niềm vinh dự, tự hào của chúng tôi đến từ những thành tựu của chúng tôi.

Thông qua những thành tựu, chúng tôi được nhận biết, được tôn trọng bởi các đối tác, bởi cộng đồng, và các cổ đông.

Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi, và cộng đồng ở những nơi chúng tôi sống và làm việc.

Đồng đội

Làm việc đồng đội là cách thức để chúng tôi thỏa mãn tốt các nhu cầu và mong đợi của khách hàng của chúng tôi.

Chúng tôi làm việc đồng đội trong từng đơn vị, giữa các đơn vị, với các đối tác bên ngoài, và với khách hàng của chúng tôi để thực hiện với chất lượng cao nhất những cam kết của chúng tôi.

Không có người chiến thắng trong đội thất bại, và cũng sẽ không có người thất bại trong đội thành công.

Chúng tôi là một gia đình lớn trong đó các thành viên tin cậy, tôn trọng, và chăm sóc lẫn nhau.

Chúng tôi nuôi dưỡng những ước mơ, khát vọng, và những đam mê về một nền nông nghiệp xanh và bền vững, và những giá trị gia tăng ngày càng cao cho những khách hàng của chúng tôi.

Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Mỗi người chúng tôi thường xuyên học tập và phát triển để hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và những đam mê của chúng tôi.

Thông qua học tập, nghiên cứu, và phát triển, chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Chuyên nghiệp

Chuyên nghiệp thể hiện ở chất lượng công việc cao. Tính chuyên nghiệp đòi hỏi trách nhiệm cá nhân, sự dẫn thân, và những phương pháp làm việc hiệu quả.

Chúng tôi luôn tận tâm cao với công việc và với đồng sự với một ý chí vượt qua mọi thách thức. Hành động của mỗi người chúng tôi luôn thể hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp cao.

Chúng tôi chịu trách nhiệm với những kết quả làm việc của mình. Chúng tôi luôn kiên trì và làm việc hết mình để thực hiện tốt những cam kết nhằm thỏa mãn những nhu cầu và mong muốn của khách hàng.

Chúng tôi mở rộng tự chủ để đảm bảo sử dụng các nguồn lực với hiệu suất cao nhất cho việc thực hiện tốt các công việc và những cam kết với khách hàng. Các thành viên trong toàn công ty được trao quyền để tự do làm những điều đúng.

Đổi mới

Liên tục hoàn thiện, phát triển, và đổi mới là cách thức để chúng tôi hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và đam mê của mình. Chúng tôi luôn cố gắng học tập, nghiên cứu, và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC

1. Tạo sự gắn bó, trung thành của khách hàng

- Duy trì và thâm thấu sâu vào thị trường hiện tại: tạo ra sự thỏa mãn và sự trung thành của khách hàng với Công ty
- Sử dụng danh tiếng và sức mạnh của hệ thống hiện tại mở rộng sang những thị trường mới
- Phát triển các chiến lược phát triển Thị trường-Sản phẩm phù hợp với từng thị trường trong từng giai đoạn

2. Phản ứng nhanh với thông tin và thị trường

- Phát triển hệ thống hoạch định, dự báo và thông tin thị trường, cạnh tranh: về sản xuất, sản phẩm, nguyên vật liệu, và khách hàng
- Theo dõi chặt chẽ những biến động của môi trường kinh doanh

3. Nâng cao năng lực sản xuất và kinh doanh

- Đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất
- Phát triển ứng dụng các sản phẩm của công ty trên cơ sở khai thác những khả năng quan hệ hợp tác với các đối tác để chuyển giao công nghệ
- Phát huy tối đa hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực cho các nhu cầu phát triển
- Xây dựng và phát triển các liên minh chiến lược cho sự phát triển bền vững và cùng có lợi

4. Nâng cao năng lực của hệ thống quản lý

- Phát huy tính năng động sáng tạo của toàn thể hệ thống
- Xây dựng cơ chế hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị và các cá nhân
- Xây dựng hệ thống mở, huy động tốt nguồn lực trong công ty và xã hội
- Tối đa hóa việc sử dụng các nguồn lực sẵn có của công ty và khai thác có hiệu quả các nguồn vốn trong xã hội cho sự phát triển của công ty
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

ĐỐI TÁC CỦA SPC



Nongfeng Agrochem



EASTCHEM



ITOCHU





PHÂN TÍCH SWOT

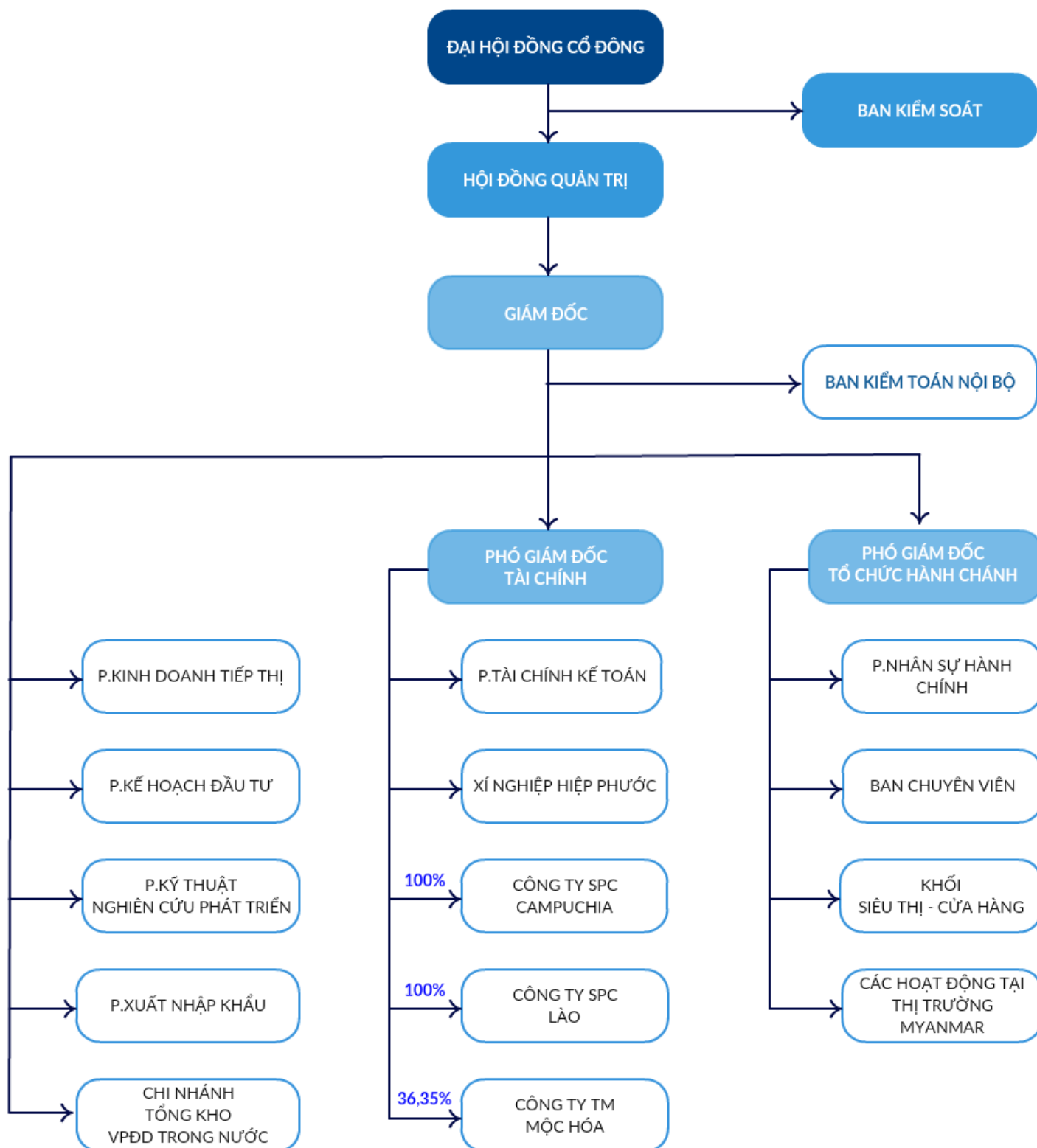


TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỔ ĐÔNG





CƠ CẤU QUẢN TRỊ



Công ty con, liên kết	Địa chỉ	HĐKD chính	VĐL thực góp
Công ty TNHH BVTV Sài Gòn - Lào	Km 8 street 13, Ban Phatthanahoase, Bachiang District, ChamPaSak Province, Lao PRD	Kinh doanh ngành nông nghiệp	19.332.237.752 đ
CTCP BVTV Sài Gòn - Cambodia	225GB, St.Vithyalay, Sk. Chrouy Changwa, Kh. Russeykeo, Phnom Penh.	Kinh doanh ngành nông nghiệp	1.895.355.000 đ
CTCP Thương mại Mộc Hóa	96 trần hưng đạo, kp1, p1, thị xã kiến tường, long an	Kinh doanh ngành nông nghiệp	7.510.164.939 đ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Nông nghiệp, Cao cấp chính trị

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 21.190

Quá trình công tác :

- 1984 – 1992: Kế toán trưởng Chi cục BVTV - Sở Nông Nghiệp.
- 1992 – 2004: Kế toán trưởng Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2004-2005: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 2005 – 2008: Phó Giám Đốc Công ty TNHH 1 TV Bảo vệ thực vật Sài Gòn.
- 2008 – 2010: Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc SPC.
- 2010-04/2015: Thành viên HĐQT, Giám Đốc SPC.
- Từ 24/04/2015 đến 31/12/2016: Chủ tịch HĐQT SPC

Quốc tịch: Việt Nam

Từ nhiệm Thành viên, Chủ tịch HĐQT SPC ngày 31/12/2016 theo nguyện vọng cá nhân.



BÀ LÊ THỊ PHƯƠNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Cao cấp chính trị.

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: chủ tịch HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- 1988-1989: Kế toán XNQT Nhựa Cao su Việt Hưng
- 1/1990-6/1990: Kế toán HTX May Hoàng Thịnh
- 8/1990-3/1994: Kế toán tổng hợp Cty Sài Gòn Lao động
- 4/1995-3/1999: NV văn thư vi tính văn phòng cơ quan LĐLĐ.TP
- 1/1995-3/1999: Kế toán tổng hợp Ban tài chính – Kinh tế LĐLĐ.TP
- 3/1999-9/2004: Kế toán trưởng Ban tài chính – Kinh tế LĐLĐ.TP
- 9/2004-10/2010: Phó ban tài chính – kiêm kế toán trưởng LĐLĐ.TP
- 11/2010-10/2014: UV Ban thường vụ -Trưởng Ban Tài chính LĐLĐ.TP
- 11/2014-01/2017: Phụ trách chung Kiểm soát viên Sagri
- Từ 08/02/2017: Thành viên HĐQT SPC
- Chủ tịch HĐQT SPC từ 20/02/2017

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN QUỐC DŨNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD – Thạc sĩ QTKD – Tiến sĩ QTKD, Luật sư – Đoàn Luật sư TP.HCM, Cao cấp chính trị.

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 1993 – 2000: NV Kinh doanh Xi nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2001 - 2003: Phó, quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2003-2004: Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2004- 2005: Phó Phòng Marketing Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 2005- 2007: Phó Phòng KD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn
- 2007-6/2008: Phó P.KHKD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 6/2008-10/2008: Phó P. KHKD SPC.
- 10/2008 - 08/2009: Trưởng Phòng KH KD CTCP BVTV Sài Gòn.
- 09/2009-04/2015: PGĐ KD SPC.
- 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ NGUYỄN THỊ THÚY
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên
HĐQT SPC, Kế toán trưởng TCT
Nông Nghiệp Sài Gòn

Quá trình công tác:

- 1990 - 1993: Kế Toán XN SX quả bóng bàn, Công ty XNK hàng công nghiệp.
- 1994 - 1997: Kế toán Trưởng TNHH Hoa Danh, Liên doanh Việt Lãng.
- 1998 - 2000: CV Kế toán Thương xá Tax thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2001 - 2007: Phó phòng Kế toán Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2007 - 2008: Cửa hàng Phó Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2008 - 2011: Cửa hàng Trưởng Siêu thị Bàu Cát, Siêu thị Sài Gòn
- 2011 - 2014: Phó Giám Đốc Siêu thị Sài Gòn thuộc TCT TM Sài Gòn
- 2014 - 2015: Phó Giám Đốc Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải thuộc TCT TM Sài Gòn
- Từ 2015: Kế toán trưởng Sagri
- Từ 24/4/2015: Thành viên Hội đồng quản trị SPC

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐẶNG THANH CƯỜNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Nông nghiệp, Cao cấp chính trị

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên
HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- Từ năm 1979 đến 1985 : CV Trung tâm BVTV phía nam Tiền Giang
- 1985 – 2015: công tác tại Công ty cổ phần Nông dược H.A.I
- Từ 26/04/2013: thành viên HĐQT CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG PHAN VĂN SANG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Trung cấp Xét nghiệm

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 198.120

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- Từ 1983 – 1989: công tác tại Biện viện Đa khoa Phú Tân – An Giang.
- Từ 1990 – nay: chủ cửa hàng kinh doanh thuốc BVTV – đại lý của SPC
- 06/2008 – 30/12/2016: Thành viên HĐQT SPC

Quốc tịch: Việt Nam

Từ nhiệm TV HĐQT SPC ngày 30/12/2016 theo nguyện vọng cá nhân.

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG TRẦN ĐÌNH VŨ
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn : Kế toán doanh nghiệp, chứng chỉ kế toán trưởng

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 100

Chức vụ đảm nhiệm: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác :

- 07/2007-03/2009: Kế toán kho Công ty TNHH Khang Cát
- 04/2009: Kế toán CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- 05/2009-08/2014: Kế toán trưởng SPC Lào
- 09/2014-12/2014: Kế toán công nợ SPC
- 01/2015-01/2016: Phụ trách kế toán Xí nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước
- Thành viên Ban kiểm soát SPC từ ngày 09/11/2015
- Từ 27/01/2016: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ LƯƠNG THANH HUYỀN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác

- 1991 - 1994 NV Kế toán Công ty Dệt Đông Á
- 1995 - 2008: Kế toán trưởng CTCP Artek, Sài Gòn CTT, Viện cơ học ứng dụng
- 2008 – 6/2014: Phó phòng Kế toán CTCP Savimex
- 7/2014 – 5/2015: Phó trưởng phòng KTTC Công ty Cofidec
- 6/2015 đến nay: Phó trưởng phòng Tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn
- Từ 08/4/2016: Thành viên Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ MAI THỊ LỆ KHUYỀN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.600

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác

- 1986-1989 : NV Kế toán Thống kê Công ty Xây dựng Thủy điện Trị An
- 1989-1991 : NV Kế toán Công ty Thủy sản KV3
- 1992-1995 : NV hành chính Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM
- 1996-9/2004 : NV Thủ kho, Thủ quỹ, Kế toán Công ty Vật phẩm Văn hóa TP.HCM
- 10/2004 – 2008 : NV Tổng hợp – Tài chính, Phòng Quảng bá, Công ty TNHH Một thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
- 2008 – 2009 : Nhân viên Tổng hợp – Tài chính Phòng Marketing SPC
- Từ Tháng 10/2009 đến Tháng 7/2012: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ SPC
- Từ Tháng 4/2010 đến Tháng 4/2015: Thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa
- Từ Tháng 6/2008 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát SPC

Quốc tịch: Việt Nam

BAN GIÁM ĐỐC



ÔNG NGUYỄN QUỐC DŨNG
GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD – Thạc sĩ QTKD – Tiến sĩ QTKD, Luật sư – Đoàn Luật sư TP.HCM, Cao cấp chính trị.

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 2.190

Chức vụ đảm nhiệm: thành viên HĐQT, Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 1993 – 2000: NV Kinh doanh Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2001 - 2002: Phó Trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2002 - 2003: Quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2003 - 2004: Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.
- 2004 - 2005: Phó Phòng Marketing Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 2005 - 2007: Phó Phòng KD Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
- 2007 - 06/2008: Phó Phòng KH- KD Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn.
- 06/2008 – 10/2008: Phó Phòng KH - KD CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- 10/2008 - 08/2009: Trưởng Phòng KH- KD CTCP BVTV Sài Gòn.
- 09/2009 – 04/2015: Phó Giám đốc KD trong nước CTCP BVTV Sài Gòn.
- 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐIỀU QUANG TRUNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.610

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 2000 – 2003 Kế toán Tổng hợp tại Công ty CP Thủy Tinh Gò Vấp
- 2003 – 2004 Phó phòng Tư vấn & Triển Khai Công ty Diginet
- 2004 – 2007 Kế toán Tổng hợp Công ty SPC
- 2007 – 2008 Phó phòng Kế toán Công ty SPC
- 2008 – 2009 Trưởng bộ phận Kế toán Công ty SPC
- 2009 – 2011 Phụ trách phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC
- 2011 - 04/2015 Trưởng phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC
- Từ 04/2015: Phó Giám đốc Công ty SPC, phụ trách tài chính

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ NGUYỄN NGỌC BÍCH
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế QTKD

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC, phụ trách NSHC

Quá trình công tác:

- 1987 – 1994: Nhân viên LĐTL, CTy XNK Nông Lâm Hải Sản
- 1994 – 2008: Phó Phòng TCLĐTL, CTy XNK Nông Lâm Hải Sản
- 2009 – 2011: Trưởng Phòng TCLĐTL, CTy TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải Sản.
- 2011 – 12/2013: Trưởng Phòng Kinh Doanh Dịch Vụ, CTy TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải Sản.
- 12/2013 đến nay: Phó Giám Đốc Công ty Cổ Phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn phụ trách Nhân sự hành chính

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ BÙI THỊ ÁNH TUYẾT
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ chuyên môn: cử nhân Tài chính kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân 16.500

Chức vụ đảm nhiệm: Kế toán trưởng SPC

Quá trình công tác:

- 01/2000-06/2001: thư ký P.Kinh doanh công ty TNHH Khải Nguyên
- 07/2001-10/2001: NV tổng hợp sản xuất CTCP BVTV Sài Gòn
- 11/2001-07/2004: NV kế toán phải thu CTCP BVTV Sài Gòn
- 08/2004-06/2007: NV kế toán thanh toán CTCP BVTV Sài Gòn
- 07/2007-06/2009: Kế toán trưởng Xí nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước
- 07/2009-10/2011: Trưởng bộ phận kế toán CTCP BVTV Sài Gòn
- 11/2011-05/2015: Phó phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn
- Từ 06/2015: Trưởng phòng TCKT, CTCP BVTV Sài Gòn

Quốc tịch: Việt Nam

Chế độ làm việc

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: thời gian làm việc 07 giờ 30 phút /ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Chính sách đào tạo

Liên tục hoàn thiện, phát triển và đổi mới là cách thức để SPC hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng và đam mê của mình. Do đó, CBCNV của SPC luôn cố gắng học tập, nghiên cứu và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Thông qua học tập, nghiên cứu và phát triển chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Do đó, đào tạo để phát triển là một chính sách rất được coi trọng tại SPC. Công ty coi đào tạo là phương thức hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Do đó, mọi thành viên đều được khuyến khích nâng cao trình độ và kiến thức, dù bằng hình thức tham gia các khoá học của Công ty tổ chức hay qua các lớp bên ngoài. Đào tạo tại chỗ chiếm một vai trò quan trọng và cũng được tập trung đặc biệt. Phần lớn thành viên mới gia nhập Công ty đều được đào tạo theo phương thức một kèm một. Khi cần thiết, chúng tôi tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để trau dồi, cập nhật kiến thức.

Chính sách tiền lương, thưởng

Chính sách tiền lương, thù lao, phụ cấp của SPC được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của SPC rất cạnh tranh trong ngành BVTV và nằm trong nhóm những doanh nghiệp sản xuất thuốc BVTV hàng đầu Việt Nam. Lương và phụ cấp được trả trên căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau), hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của nhân viên. Tất cả vị trí công việc đều được phân tích, đánh giá, chấm điểm chi tiết và xếp vào một hệ thống nhất trong toàn Công ty. Hàng năm, mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được công ty sự đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp.

NHÂN SỰ

Đến ngày 31/12/2016, tổng số lao động của công ty là 481 người với cơ cấu lao động như sau:

Yếu tố	
Số lượng nhân viên, công nhân	481 người
Theo trình độ chuyên môn	
Tiến sỹ	03 người
Cao học, Thạc sỹ	06 người
Đại học, Cao đẳng	227 người
Trung học chuyên nghiệp	22 người
Lao động phổ thông + LĐ có tay nghề	223 người



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



01 Nguyên liệu, năng lượng

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 8.673,7 tấn/năm.
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 589.052 kWh.

02 Nguồn nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng sử dụng nước:
 - + Nguồn cung cấp: KCN Hiệp Phước
 - + Lượng sử dụng nước: 11.352 m³
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có



“Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi, và cộng đồng ở những nơi chúng tôi sống và làm việc.”



1
Đoàn nông dân
Thanh Hoá
tham quan Xí
nghiệp Hiệp
Phước



2
Diễn tập
Phòng cháy
chữa cháy

3
Hội thao
SPC



4
Giải đặc biệt
Quay số may
mắn.



5
Sinh nhật
27 năm
SPC



6
Trung thu
tại CN
Đồng Tháp



7
Người
nông dân
thu hoạch



8
Học bổng
Nguyễn
Đức Cảnh



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Chi tiết cơ cấu cổ đông tính tới ngày 05/12/2016

Danh mục	TRONG NƯỚC		NƯỚC NGOÀI		TỔNG	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1. Cổ đông Nhà nước	6.247.020	59,33%			6.247.020	59,33%
2. Cổ đông khác	3.557.750	33,79%	725.230	6,88%	4.282.980	40,67%
- Cá nhân	3.090.350	29,35%	725.230	6,88%	3.815.580	36,23%
- Tổ chức	467.400	4,44%	0	0%	467.400	4,44%
Tổng	9.804.770	93,12%	725.230	6,88%	10.530.000	100%





THỰC HIỆN NĂM 2016

Doanh thu thuần: 863 tỉ

Lợi nhuận sau thuế: 30 tỉ

Cổ tức bằng tiền: 15%



ĐHĐCĐ thường niên 2016

Cổ tức bằng tiền

Chính sách cổ tức

Chúng tôi quyết định giành gần 50% lợi nhuận sau thuế năm 2016 để chi cổ tức, chia sẻ lợi ích nhiều hơn cho cổ đông.



TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - SAGRI



Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn TNHH một thành viên là một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập từ cuối năm 1996.

Năm 2015 vốn góp của chủ sở hữu là 1.643 tỉ đồng, tổng tài sản là 3.642 tỉ đồng, doanh thu thuần 3.386 tỉ đồng, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ là 124 tỉ đồng; hoạt động kinh doanh với nhiều nhóm ngành nghề khác nhau song chủ lực vẫn là hoạt động nông nghiệp.



Trụ sở Văn phòng Tổng công ty - 189 Điện Biên Phủ P.15, Q. Bình Thạnh



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIAI ĐOẠN CỔ PHẦN HOÁ

SPC Xanh, Thêm Xanh



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SAIGON

KỶ NIỆM **27** Năm
15/3/1989
15/3/2016



NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY

GIA ĐÌNH SPC

ĐOÀN KẾT - TẬN TÂM - CHUYÊN NGHIỆP







KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Triệu VNĐ	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Doanh thu thuần	786,977	771,286	816,202	752,066	856,805	880,369	872,207	863,495
Giá vốn hàng bán	626,437	586,057	608,388	587,097	651,161	666,267	644,455	660,672
Lợi nhuận gộp	160,541	185,229	207,814	164,969	205,644	214,102	227,752	202,822
Tỉ suất lợi nhuận gộp	20.40%	24.02%	25.46%	21.94%	24.00%	24.32%	26.11%	23.49%
Doanh thu tài chính	2,161	6,534	3,684	5,010	1,872	3,057	6,340	5,554
Chi phí tài chính	32,981	45,637	45,249	16,682	13,931	12,282	21,467	19,569
Chi phí bán hàng	91,783	106,252	126,944	112,300	116,400	142,128	151,706	134,029
Chi phí quản lý	23,262	25,037	27,147	34,274	39,686	31,046	24,422	23,621
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14,675	14,837	12,158	6,724	37,498	32,733	36,743	31,199
Lợi nhuận khác	3,155	3,015	16,255	10,760	-7,587	-539	1,165	11,587
Lãi công ty liên kết	0	0	1,533	1,606	1,361	1,029	245	43
Lợi nhuận trước thuế và chi phí tài chính	50,811	63,490	75,195	35,771	45,204	44,476	59,375	50,768
Lợi nhuận trước thuế	17,830	17,853	29,946	19,090	31,272	32,193	37,908	42,787
Lợi nhuận sau thuế	15,828	14,757	24,064	13,913	19,949	22,451	28,028	30,858
Số lượng cổ phiếu(triệu)	8.10	8.10	10.53	10.53	10.53	10.53	10.53	10.53
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	1,954	1,822	2,285	1,321	1,895	2,132	2,662	2,931

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán

LƯU CHUYỂN

TIỀN TỆ

Triệu VNĐ	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Lưu chuyển tiền thuần	4,834	24,840	-35,131	6,431	222	7,724	25,552	45,254
1. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	71,946	1,588	20,149	33,565	34,859	-2,116	38,480	96,156
Tiền thu từ bán hàng, dịch vụ	549,440	1,181,739	866,458	859,558	919,532	963,638		
Tiền chi trả hàng hóa và dịch vụ	-532,609	-689,535	-747,974	-739,280	-792,274	-875,572		
Tiền chi trả người lao động	-32,285	-40,127	-51,821	-44,897	-44,551	-51,063		
Tiền chi trả lãi vay	-8,233	-11,078	-13,429	-10,959	-6,987	-5,032		
Tiền nộp thuế thu nhập	-68	-5,414	-4,569	-5,531	-5,859	-7,302		
Tiền thu khác từ HĐKD	545,882	8,497	81,846	21,688	16,878	27,466		
Tiền chi khác cho HĐKD	-450,180	-442,493	-110,362	-47,014	-51,880	-54,252		
2. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	-14,057	6,389	-2,530	-10,576	2,594	9,970	999	4,579
Trong đó tiền chi mua sắm, TSCĐ	-4,147	-2,812	-5,073	-15,598	-3,114	-3,239	-4,097	-2,514
3. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	-53,055	16,862	-52,751	-16,558	-37,232	-129	-13,927	-55,481

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Triệu VNĐ	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng cộng tài sản	471,194	501,866	489,494	479,829	519,642	493,702	552,980	591,844
1. TÀI SẢN NGẮN HẠN	365,030	389,236	369,847	365,541	429,405	423,753	491,710	536,010
Tiền, tương đương tiền	15,321	40,260	5,999	12,390	12,577	20,318	45,937	91,406
Các khoản phải thu ngắn hạn	155,620	160,586	169,353	139,353	185,642	199,299	221,962	242,123
Hàng tồn kho	187,790	175,035	177,470	192,205	208,078	186,530	215,454	196,003
Các khoản khác	6,299	13,354	17,025	21,593	23,108	17,606	8,357	6,003
2. TÀI SẢN DÀI HẠN	106,164	112,630	119,647	114,288	90,238	69,949	61,270	55,833
Tài sản cố định	86,043	74,358	79,074	68,982	47,014	34,291	28,042	22,152
Bất động sản đầu tư	0	0	0	4,685	4,542	3,330	3,172	2,826
Đầu tư tài chính dài hạn	18,848	11,326	12,751	12,558	12,535	11,834	11,167	11,210
Các khoản khác	1,274	26,945	27,822	28,062	26,146	20,494	18,889	18,630
3. NỢ PHẢI TRẢ	381,287	404,144	352,839	346,251	375,616	339,398	384,859	413,787
Vay và nợ ngắn hạn	93,953	125,323	88,663	89,540	69,735	80,885	74,324	38,355
Phải trả người bán	199,423	212,161	213,332	207,089	259,677	201,880	243,584	300,656
Các khoản nợ ngắn hạn khác	60,840	48,946	32,435	34,716	30,290	41,565	54,089	63,594
Nợ dài hạn	27,072	17,714	18,410	14,906	15,914	15,068	12,862	11,182
4. VỐN CHỦ SỞ HỮU	89,907	97,722	136,654	133,577	144,027	154,304	168,121	178,057

Số liệu hợp nhất - đã kiểm toán

TỈ SỐ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

LÍ DO ĐÁNH GIÁ

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

		2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
KHẢ NĂNG THANH TOÁN									
Thanh toán hiện thời	Tính thanh khoản, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn	1,03	1,01	1,11	1,10	1,19	1,31	1,32	1,33
Thanh toán nhanh	Khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền và thu tiền bán hàng	0,48	0,52	0,52	0,46	0,55	0,68	0,73	0,83
Thanh toán lãi vay	Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh để trả lãi vay ngân hàng	2,84	2,55	3,71	2,70	5,51	7,49	12,62	12,05
CHỈ TIÊU CƠ CẤU VỐN									
Tổng nợ/Tổng nguồn vốn	Giá trị nợ ngắn hạn và dài hạn trong tổng nguồn vốn	81%	81%	72%	72%	72%	69%	70%	70%
Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	Tỉ trọng nợ ngắn hạn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại SPC	75%	77%	68%	69%	69%	66%	67%	68%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Đòn bẩy kinh doanh	4,23	4,14	2,58	2,59	2,61	2,20	2,29	2,32
Vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	Tỉ trọng vay nợ ngân hàng so với vốn chủ sở hữu	119%	137%	73%	73%	51%	53%	44%	22%
CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG									
Hiệu quả sử dụng tổng tài sản	1 đồng giá trị tài sản sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu	1,65	1,59	1,65	1,55	1,71	1,74	1,66	1,51
Vòng quay hàng tồn kho	Hiệu quả luân chuyển hàng tồn kho trong năm	2,7	3,2	3,5	3,2	3,3	3,4	3,2	3,2
Vòng quay phải thu thuần kinh doanh	Công tác thu tiền bán hàng, tín dụng ưu đãi cho các đại lý	7,9	5,3	5,7	5,8	5,7	4,5	4,0	3,5
CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI									
Tỉ suất lợi nhuận gộp	Mức độ sinh lời và kiểm soát chi phí giá thành sản phẩm	20,40%	24,02%	25,46%	21,94%	24,00%	24,32%	26,11%	23,49%
Tỉ suất lợi nhuận ròng	100 đồng doanh thu tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận	2,01%	1,91%	2,95%	1,85%	2,33%	2,55%	3,21%	3,57%
ROE	Mức độ sinh lời so với vốn góp ban đầu của chủ sở hữu	19,54%	18,22%	22,85%	13,21%	18,95%	21,32%	26,62%	29,31%
EPS	Thu nhập mỗi cổ phần, giá trị mang lại cho các cổ đông	1.954	1.822	2.285	1.321	1.895	2.132	2.662	2.931

QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HOÁ

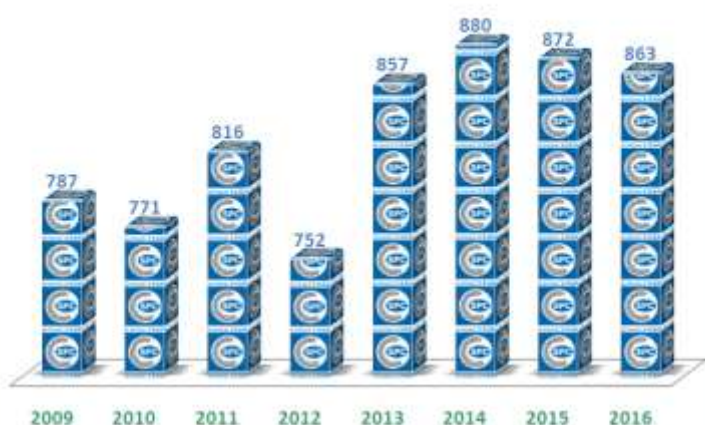
DOANH THU

TỔNG TÀI SẢN

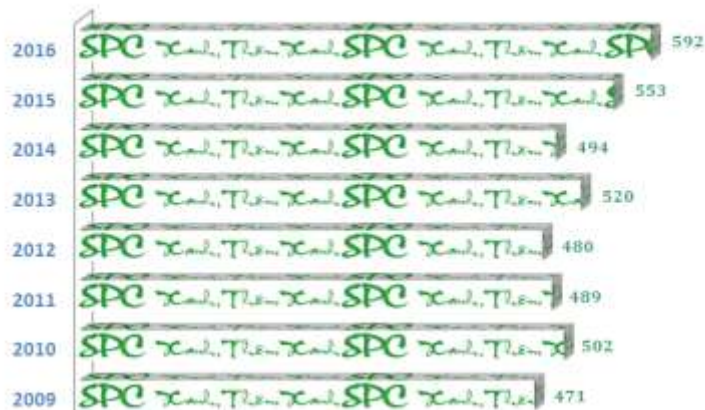
LỢI NHUẬN

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Doanh thu thuần (tỉ đồng)



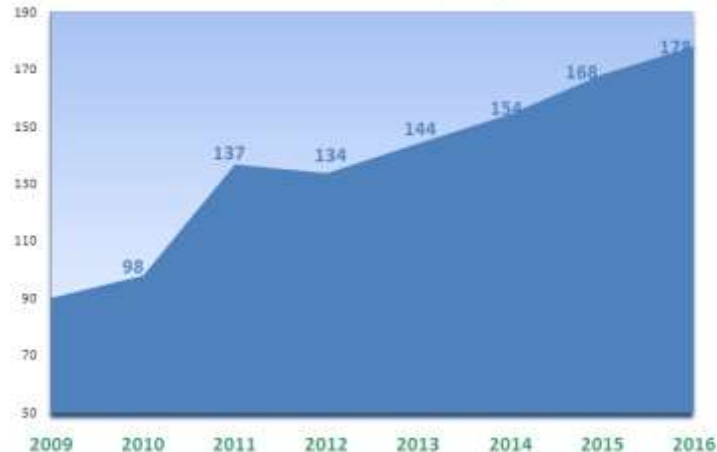
Tổng tài sản (tỉ đồng)



Lợi nhuận sau thuế (tỉ đồng)



Vốn chủ sở hữu (tỉ đồng)



1989



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

của

Ban Điều Hành, HĐQT,
Ban Kiểm soát

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong những tháng đầu năm 2016, tình hình xâm nhiễm mặn ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long diễn ra hết sức trầm trọng, thời tiết khô hạn ở miền Nam và miền Trung cũng hết sức gay gắt, miền Bắc thì rét đậm, rét hại đã ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu tiêu thụ thuốc BVTV của người dân nói chung và tình hình kinh doanh của Công ty SPC nói riêng.

Bên cạnh đó, tình hình cạnh tranh trên thị trường thuốc BVTV vẫn còn hết sức gay gắt, tình hình tỷ giá USD tăng cao trong những tháng cuối năm đã ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả hoạt động của công ty.

Tuy nhiên, vượt lên các khó khăn đó, Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã có một năm 2016 khá thành công. Doanh thu đạt 91% so với kế hoạch (đạt 99% so với năm 2015) và lợi nhuận trước thuế đạt 108% so với kế hoạch mà ĐHCĐ đã giao phó (đạt 113% so với năm 2015).



Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu thuần (hợp nhất)	950.000.000.000	863.495.162.722	91%
Lợi nhuận trước thuế	39.657.000.000	42.787.126.221	108%
Lợi nhuận sau thuế	29.432.460.000	30.858.714.993	105%
EPS	<u>2.795</u>	<u>2.931</u>	105%

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh năm 2016 vừa qua khá tốt, tuy nhiên hiệu quả chưa tương xứng với khả năng do những nguyên nhân sau:

- **Tình hình thời tiết:** những tháng đầu năm 2016 tình hình xâm nhiễm mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long và khô hạn kéo dài ở miền Nam, miền Trung đã ảnh hưởng đến doanh số bán hàng của Công ty.

- **Chi phí chiết khấu thu tiền cao:** do tình hình cạnh tranh và tình hình thời tiết không thuận lợi nên công ty thường xuyên có những chính sách thu tiền để đảm bảo nguồn vốn cũng như thu hồi công nợ, đảm bảo hoàn thành kế hoạch Đại hội cổ đông giao phó.
- **Chi phí lãi vay cao:** do vốn lưu động chủ yếu tài trợ bằng vốn vay ngân hàng và do tình hình thời tiết khó khăn những tháng đầu năm đã ảnh hưởng đến bán hàng cũng như thu tiền chậm buộc công ty phải sử dụng tối đa vốn vay dẫn đến chi phí lãi vay cao.

1.2 Các phiên họp và nghị quyết của HĐQT trong năm 2016

Trong năm 2016 vừa qua, được sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông trong công tác chỉ đạo thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị công ty đã xây dựng và định hướng cho Ban điều hành công ty thực hiện các chương trình hành động tích cực và đồng bộ trong năm 2016 thông qua các nội dung làm việc, thảo luận, tìm nhiều giải pháp thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ giao.

1.3 Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016



a. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2016

Được sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã tiến hành xem xét năng lực, hiệu quả kinh tế của các đơn vị kiểm toán và thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tình hình tài chính năm 2016 cho Công ty.

b. Thông qua việc xây dựng nhà kho 36 x 78m tại XNHP: đã hoàn tất thiết kế, dự toán công trình, đang tiến hành thẩm tra dự toán. Dự án dự kiến khởi công trong năm 2017.

1.4 Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT:

Công ty đã thực hiện công tác chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo đúng kế hoạch đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 với tổng thù lao là 144.000.000 đồng. Chi tiết cho từng thành viên HĐQT như sau:

- *Chủ tịch hội đồng quản trị: hưởng lương chuyên trách.*
- *Thành viên hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/tháng*



1.5 Kết quả giám sát đối với Ban điều hành:

Căn cứ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ tháng, hoặc họp bất thường trong trường hợp có công việc quan trọng, khẩn cấp cần giải quyết.

Các nội dung giám sát có chuyên đề:

- *Giám sát việc đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.*
- *Giám sát xử lý nợ phải thu, giám sát chất lượng hàng tồn kho thông qua việc thành lập các tổ công tác nhằm xử lý trực tiếp và kịp thời các vấn đề phát sinh và tồn đọng.*
- *Giám sát việc thu chi tài chính.*
- *Giám sát việc thanh lý các dự án đầu tư không hiệu quả.*
- *Giám sát việc thực hiện Quy chế của Ban điều hành. v.v...*

Nhìn chung, công tác giám sát đối với Ban điều hành được thực hiện thường xuyên, đảm bảo hoạt động của Công ty được diễn ra ổn định, đáp ứng yêu cầu sản xuất và kinh doanh, tuân thủ quy định của pháp luật, bám sát định hướng do HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

1.6 Nhận xét đánh giá:

Qua một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã hết sức tập trung nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều chỉ tiêu quan trọng. Tập trung dồn sức cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt doanh thu và lợi nhuận. Lập dự phòng đầy đủ theo nghị quyết đặt ra, trong năm HĐQT đã ban hành 37 Nghị quyết và nhiều lần trực tiếp làm việc với Ban điều hành. Tham gia nhiều cuộc giám sát những nội dung công ty đang quan tâm.

Tuy nhiên đánh giá công tác quản lý điều hành trong năm qua, việc tập trung giải quyết thanh lý các máy móc thiết bị tại SPC Lào còn chậm, việc tìm kiếm đối tác chuyển nhượng gặp nhiều vướng mắc khó khăn làm ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Hướng tới HĐQT sẽ giám sát tích cực hơn nữa đối với Ban điều hành về việc thanh lý các máy móc thiết bị tại SPC Lào theo Nghị quyết Đại hội đồng thông qua.



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2016:

Stt	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Diễn giải
1	Nghị quyết số 41/NQ-BVTVSG-HĐQT	31/12/2016	Nghị quyết Nguyễn Thị Hồng Ánh thôi giữ nhiệm vụ thành viên HĐQT, giao bà Nguyễn Thị Thúy tiếp nhận quyền điều hành
2	Nghị quyết số 40/NQ-BVTVSG-HĐQT	30/12/2016	Nghị quyết thống nhất chấp nhận đơn từ nhiệm của Ông Phan Văn Sang thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT
3	Nghị quyết số 35/NQ-BVTVSG-HĐQT	20/12/2016	Nghị quyết về việc thành lập ban kiểm phiếu để thực hiện việc kiểm phiếu theo Tờ trình lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản số 67/TTr-BVTVSG ngày 12/12/2016
4	Nghị quyết số 34/NQ-BVTVSG-HĐQT	25/11/2016	Nghị quyết thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Bình giữ chức Trưởng văn phòng đại diện tại Myanmar và chấp thuận địa điểm hoạt động của VP đại diện
5	Nghị quyết số 33/NQ-BVTVSG-HĐQT	16/11/2016	Nghị quyết thống nhất bổ sung ngành nghề kinh doanh vận tải
6	Nghị quyết số 32/NQ-BVTVSG-HĐQT	14/11/2016	Nghị quyết thống nhất về điều chỉnh giá sàn MMTB đề nghị thanh lý của SPC Lào
7	Nghị quyết số 31/NQ-BVTVSG-HĐQT	14/11/2016	Nghị quyết thống nhất về việc chuyển nhượng dự án Trung tâm thương mại km21 SPC-Lào
8	Nghị quyết số 30/NQ-BVTVSG-HĐQT	09/11/2016	Nghị quyết thống nhất Tờ trình số 56,59 về việc xin gia hạn Hợp đồng đối với anh Trần Tư, phê duyệt tài chính và lợi nhuận, và bổ sung ngành nghề kinh doanh vận chuyển hàng hóa
9	Nghị quyết số 29/NQ-BVTVSG-HĐQT	09/11/2016	Nghị quyết thống nhất về việc thành lập văn phòng đại diện Cty SPC tại Myanmar
10	Nghị quyết số 27/NQ-BVTVSG-HĐQT	11/10/2016	Nghị quyết thống nhất về điều chỉnh giá sàn MMTB đề nghị thanh lý của SPC Lào
11	Nghị quyết số 26/NQ-BVTVSG-HĐQT	03/10/2016	Nghị quyết thống nhất cử bà Huỳnh Thị Thanh Trang thực hiện công việc Thư ký HĐQT
12	Nghị quyết số 25/NQ-BVTVSG-HĐQT	20/09/2016	Nghị quyết thống nhất việc mở tài khoản và vay vốn ngân hàng Maritime Bank
13	Nghị quyết số 24/NQ-BVTVSG-HĐQT	14/09/2016	Nghị quyết thống nhất về việc phê duyệt kế hoạch doanh thu niên vụ 2016 - 2017
14	Nghị quyết số 23/NQ-BVTVSG-HĐQT	13/09/2016	Nghị quyết thống nhất các báo cáo số 48,49 và Tờ trình 47, 46 về việc thực hiện kế hoạch 08 tháng đầu năm 2016 và ước thực hiện năm 2016 và yêu cầu; thực hiện tiến độ đầu tư mua sắm MMTB và SCL năm 2016; phê duyệt điều chỉnh gói thầu sửa chữa hệ thống xử lý khí thải xưởng thuốc cỏ và hệ thống xử lý khí thải cụm Jmill + máy sấy WDG; sửa chữa mái tole xưởng sx; xem xét xử lý kỷ luật ông Nguyễn Văn Anh
15	Nghị quyết số 21/NQ-BVTVSG-HĐQT	22/07/2016	Nghị quyết thống nhất việc tạm ngừng hoạt động Chi nhánh Long An
16	Nghị quyết số 20/NQ-BVTVSG-HĐQT	21/07/2016	Nghị quyết thống nhất về việc điều chỉnh dự toán giá gói thầu sửa chữa hệ thống xử lý khí thải xưởng thuốc cỏ tại XNHP – gói thầu KHĐT năm 2015
17	Nghị quyết số 19/NQ-BVTVSG-HĐQT	05/07/2016	Nghị quyết thống nhất về việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 2 năm 2015
18	Nghị quyết số 16/NQ-BVTVSG-HĐQT	22/06/2016	Nghị quyết thống nhất báo cáo số 38 về báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch tài chính 6 tháng đầu năm 2016 và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2016
19	Nghị quyết số 14/NQ-BVTVSG-HĐQT	22/05/2016	Nghị quyết thống nhất về việc giải thể chi nhánh Long An

20	Nghị quyết số 13/NQ-BVTVSG-HĐQT	20/04/2016	Nghị quyết thống nhất về việc vay vốn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Sài Gòn
21	Nghị quyết số 11/NQ-BVTVSG-HĐQT	19/04/2016	Nghị quyết thống nhất Tờ trình số 31, 28, 02, 32,33,,18,29,14 về việc cử người đại diện vốn tại CN Mộc Hóa, lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, bổ nhiệm Quyền trưởng phòng kinh doanh tiếp thị, điều chỉnh kế hoạch đầu thầu gói thầu máy đo kích thước hạt thuộc KHĐT năm 2015, kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản sửa chữa lớn năm 2016, quy chế hoạt động của đơn vị trực thuộc, nội dung trong quy chế trả lương, kỷ luật ông Trần Chí Hùng – GD CN Bạc Liêu, Phân phối quỹ thưởng của BDH căn cứ vào quy chế khen thưởng
22	Nghị quyết số 09/NQ-BVTVSG-HĐQT	08/04/2016	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2016
23	Nghị quyết số 07/NQ-BVTVSG-HĐQT	04/04/2016	Nghị quyết thống nhất nội dung chuẩn bị cho ĐHCĐ thường niên năm 2016 và thông qua các tờ trình
24	Nghị quyết số 05/NQ-BVTVSG-HĐQT	04/03/2016	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 và tạm chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2015
25	Nghị quyết số 04/NQ-BVTVSG-HĐQT	03/03/2016	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 và tạm chi cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2016
26	Nghị quyết số 02/NQ-BVTVSG-HĐQT	21/01/2016	Nghị quyết thống nhất Tờ trình 04, 07, 03, 06, 05, 02, 01, 09, 08 về việc chi trả lương thưởng cho CBCNV nhân dịp Tết Nguyên đán 2016, xử lý tài chính các khoản nợ không có khả năng thu hồi, phê duyệt kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị, XDCB 2016, điều chỉnh quy chế trả thưởng, thay đổi người đại diện pháp luật trên giấy phép đầu tư, bổ nhiệm ông Trần Đình Mẫn – Phó phòng KDTT, bổ nhiệm cô Tô Quế Phương là thư ký HĐQT, mở tài khoản và vay vốn tại NH Maybank, ban hành quy chế trích lập và quản lý, phân phối sử dụng Quỹ thưởng BDH
27	Quyết định 502/QĐ-BVTVSG-HĐQT	29/11/2016	Quyết định về việc thành lập Văn phòng đại diện Myanmar
28	Quyết định 503/QĐ-BVTVSG-HĐQT	29/11/2016	Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Bình - Trưởng VPĐD Myanmar
29	Quyết định số 464/QĐ-BVTVSG-NSHC	20/9/2016	Quyết định miễn nhiệm Chức danh Quyền Giám đốc Chi nhánh Long An đối với Ông Nguyễn Đình Dũng
30	Quyết định 370/QĐ-BVTVSG-NSHC	22/06/2016	Quyết định bổ nhiệm Nguyễn Danh Quân – Trưởng Văn phòng Đại diện Sơn La
31	Quyết định 297/QĐ-BVTVSG-NSHC	11/05/2016	Quyết định ban hành quy chế trả lương trả thưởng
32	Quyết định 296/QĐ-BVTVSG-NSHC	11/05/2016	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Công ty con, VPĐD, VPĐD tại nước ngoài, quy chế hoạt động chi nhánh, VPĐD trong nước và người đại diện vốn
33	Quyết định 295/QĐ-BVTVSG-NSHC	09/05/2016	Bổ nhiệm Ông Trần Đình Mẫn - Q. TP KDTT
34	Quyết định 67/QĐ-BVTVSG-NSHC	20/4/2016	Quyết định cử người đại diện vốn đầu tư tại Công ty CP TM Mộc Hóa
35	Quyết định 58/QĐ-BVTVSG-HĐQT	05/04/2016	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý, phân phối sử dụng quỹ thưởng BDH
36	Quyết định 20/QĐ-BVTVSG-HĐQT	22/01/2016	Bổ nhiệm Bà Tô Quế Phương - Thư ký Công ty
37	Quyết định 19/QĐ-BVTVSG-HĐQT	22/01/2016	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Cường - Giám đốc CN Đà Nẵng

2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

2.1 Kế hoạch tài chính 2017:

Chi tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2016	Tỷ lệ 2017//2016
Doanh thu thuần	950,000,000,000	863,495,162,722	110%
Lợi nhuận sau thuế	32,375,000,000	30,858,714,993	105%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	15%	15%	100%

2.2 Giải pháp thực hiện:

- Tập trung thanh lý dứt điểm dự án Lào để thu hồi vốn, tập trung nguồn vốn vào hoạt động sản xuất chính của đơn vị.
- Đẩy mạnh phát triển các dòng sản phẩm thân thiện môi trường như phân bón vi sinh, thuốc vi sinh, phân bón NPK,...
- Tiếp tục nghiên cứu, đăng ký các sản phẩm mới và đăng ký bổ sung nhằm thay thế các sản phẩm bị cấm kinh doanh, không được phép gia hạn đăng ký. Phát triển các sản phẩm sử dụng cho cây trồng cạn như bắp, khoai mì, thanh long, chè, mè,...
- Tập trung đẩy mạnh thị trường tại Campuchia và Myanmar: đăng ký một số sản phẩm chiến lược và tìm kiếm đơn vị phân phối tại Myanmar. Bên cạnh đó bổ sung nhân sự kinh doanh, phát triển thị trường cho các thị trường này.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn nhưng hiệu quả. Chú trọng đầu tư nhân sự vào phòng Kinh doanh tiếp thị (NVKD có kiến thức và am hiểu thuốc BVTV).
- Kiểm soát chặt chẽ hàng hóa tồn kho, tiến hành xử lý những mặt hàng tồn kho lâu và không luân chuyển, tăng vòng quay hàng tồn kho bằng cách áp dụng định mức tồn kho từng đơn vị.
- Kiểm soát chặt chẽ công nợ, tiếp tục theo dõi và xử lý các tồn đọng công nợ khởi kiện.
- Cải tiến bao bì, giảm thiểu hao hụt sản xuất đến mức thấp nhất. Bên cạnh đó tập trung rà soát và bổ sung máy móc thiết bị nhằm tăng năng suất lao động, áp dụng công nghệ mới để tạo ra được sản phẩm mới, tốt mang tính ưu việt riêng.

- i. Thực hiện trả lương người lao động phần đầu đảm bảo đời sống ổn định để người lao động an tâm, gắn bó với công ty. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua tiết kiệm chi phí và thi đua hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2017.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

1.1 ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM 2016

Trong những tháng đầu năm 2016, tình hình xâm nhiễm mặn ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long diễn ra hết sức trầm trọng, thời tiết khô hạn ở miền Nam và miền Trung cũng hết sức gay gắt, miền Bắc thì rét đậm, rét hại đã ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu tiêu thụ thuốc BVTV của người dân nói chung và tình hình kinh doanh của Công ty SPC nói riêng.

Bên cạnh đó, tình hình cạnh tranh trên thị trường thuốc BVTV vẫn còn hết sức gay gắt, tình hình tỷ giá USD tăng cao trong những tháng cuối năm đã ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả hoạt động của công ty.

1.2 KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2016 NHƯ SAU:

Tuy tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn nêu trên, nhưng với những quyết tâm nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo Công ty trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành khá tốt kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Cụ thể như sau:

1.2.1. Về kinh doanh:

Kết quả cụ thể về sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	Năm 2016			
				Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH 2016	2016/2015
1	Giá trị sản xuất (giá CĐ 94)	ngàn đồng	660,468,369	726,700,000	654,030,000	90%	99%
2	Sản lượng	Tấn	12,350	13,569	12,212	90%	99%
3	Tổng doanh thu hợp nhất	ngàn đồng	872,207,498	950,000,000	863.495.162	91%	99%
4	Lợi nhuận trước thuế	ngàn đồng	37,907,921	39,657,000	42.787.126	108%	113%
5	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn CSH	%	36%	37,7%	40,6%	108%	113%
6	Lợi nhuận sau thuế	ngàn đồng	28,027,996	29.432.460	30.858.714	105%	110%
7	Nộp ngân sách	ngàn đồng	38,368,783	41,432,358	44.479.730	107%	116%
8	Lao động bình quân	người	480	489	482	99%	104%
9	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	9,075,761	11.467.000	12.148.000	106%	134%

Giá trị sản xuất (theo giá CĐ 94) :

Năm 2016 thực hiện 654 tỷ, đạt 90% kế hoạch năm và bằng 99% so với thực hiện năm 2015

Doanh thu:

Năm 2016 thực hiện 863 tỷ, đạt 91% kế hoạch năm và bằng 99% so với thực hiện năm 2015

Lợi nhuận trước thuế :

Năm 2016 thực hiện 42,8 tỷ đạt 108% kế hoạch năm và bằng 113% so với thực hiện năm 2015

1.2.2 Về tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

Chuyển nhượng dự án đầu tư tại Lào: hiện nay Công ty đã chuyển nhượng được 4/5 dự án với tổng giá trị thu hồi là 652.671 USD ~ 13.916.750.000 đồng. Đồng thời đã tiến hành thanh lý 34/75 tài sản là máy móc thiết bị sản xuất nông nghiệp, phương tiện vận chuyển... với tổng giá trị thu hồi là 3.761.488.859 đồng. Như vậy, tổng giá trị thu hồi dự án đầu tư tại Lào đến thời điểm hiện nay khoảng 17,7 tỷ đồng (tổng giá trị thu hồi dự án Lào theo Nghị quyết ĐHCĐ 2014 tối thiểu là 16,5 tỷ đồng). Còn lại Trung tâm thương mại tại Km21 và các máy móc thiết bị sản xuất nông nghiệp, Công ty sẽ cố gắng chuyển nhượng dứt điểm trong năm 2017.



Năm 2016, Công ty chủ yếu tập trung nguồn vốn đầu tư để mua sắm một số máy móc thiết bị cho xí nghiệp Hiệp Phước nhằm nâng cấp công nghệ và tăng cường năng lực sản xuất.

1.2.3 Về lĩnh vực nghiên cứu - phát triển sản phẩm mới:

Công ty đang tiến hành khảo nghiệm sản phẩm mới làm từ nguyên liệu hữu cơ. Sản phẩm có tính thân thiện môi trường, an toàn, chất lượng tạo sự khác biệt đang được Công ty chú trọng đầu tư nhằm tăng hiệu quả kinh doanh.



Sắp đến, Công ty sẽ đăng ký các sản phẩm mới và đăng ký bổ sung nhằm thay thế các sản phẩm cũ, các sản phẩm có hoạt chất bị cấm sản xuất để có sản phẩm thay thế chất lượng tốt hơn, không ảnh hưởng đến môi trường.

1.2.4 Về công tác vận hành nội bộ:

Công ty tiếp tục cơ cấu tổ chức bộ máy từ lãnh đạo đến các phòng, ban theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp. Bên cạnh đó đẩy mạnh công tác đào tạo, tìm kiếm nguồn nhân lực kế thừa nhằm duy trì và đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị;

Đẩy mạnh phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch hàng tháng, quý và cả năm, tổ chức phong trào thi đua tiết kiệm chi phí trên toàn công ty.

2. NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

2.1 MỘT SỐ DỰ BÁO THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:

Các sản phẩm của Công ty tiếp tục giữ được uy tín đối với nông dân, người tiêu dùng trực tiếp về chất lượng, hiệu quả. Các khách hàng truyền thống của Công ty vẫn tiếp tục gắn bó với Công ty, chia sẻ khó khăn và kinh nghiệm thị trường.



Năm 2017 dự kiến sẽ gặp nhiều khó khăn, tình hình cạnh tranh ngành thuốc bảo vệ thực vật ngày càng cao. Vừa qua Cục Bảo vệ thực vật đã ban hành quyết định loại bỏ một số hoạt chất ra khỏi danh mục được phép lưu hành và không cho phép gia hạn tiếp các sản phẩm đã lưu hành 10 năm, việc này ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị trong thời gian sắp tới.

2.2 PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

2.2.1 Chỉ tiêu kế hoạch năm 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016			Kế hoạch 2017	Tỷ lệ KH2017/TH2016
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH 2016		
1	Giá trị sản xuất (giá CĐ 94)	ngàn đồng	726,700,000	654,030,000	90%	726,700,000	111%
2	Sản lượng	Tấn	13,569	12,212	90%	13,569	111%
3	Tổng doanh thu hợp nhất	ngàn đồng	950,000,000	863.495.162	91%	950,000,000	110%
4	Lợi nhuận trước thuế	ngàn đồng	39,657,000	42.787.126	108%	43.305.000	102%
5	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn CSH	%	37,7%	40,6%	108%	41,1%	102%
6	Lợi nhuận sau thuế	ngàn đồng	29.432.460	30.858.714	105%	32.375.000	105%
7	Nộp ngân sách	ngàn đồng	41,432,358	44.479.730	107%	42,789,108	96%
8	Lao động bình quân	người	489	482	99%	500	104%
9	Thu nhập bình quân/tháng	đ/người	11.467.000	12.148.000	106%	12.619.000	104%

2.2.2 Các giải pháp chính để Công ty đạt được kế hoạch đề ra

- Đẩy mạnh công tác đăng ký, phát triển sản phẩm mới thay thế sản phẩm bị cấm kinh doanh theo qui định của Cục BVTV, đồng thời mở rộng ngành nghề kinh doanh như kinh doanh phân bón vô cơ, thức ăn gia súc...



- Tập trung phát triển và cung ứng ra thị trường các sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh, thuốc trừ sâu bệnh có nguồn gốc sinh học, các sản phẩm có kỹ thuật cao thân thiện với môi trường có hiệu quả cao cho nông dân, cạnh tranh được với các sản phẩm của các công ty khác cùng ngành.

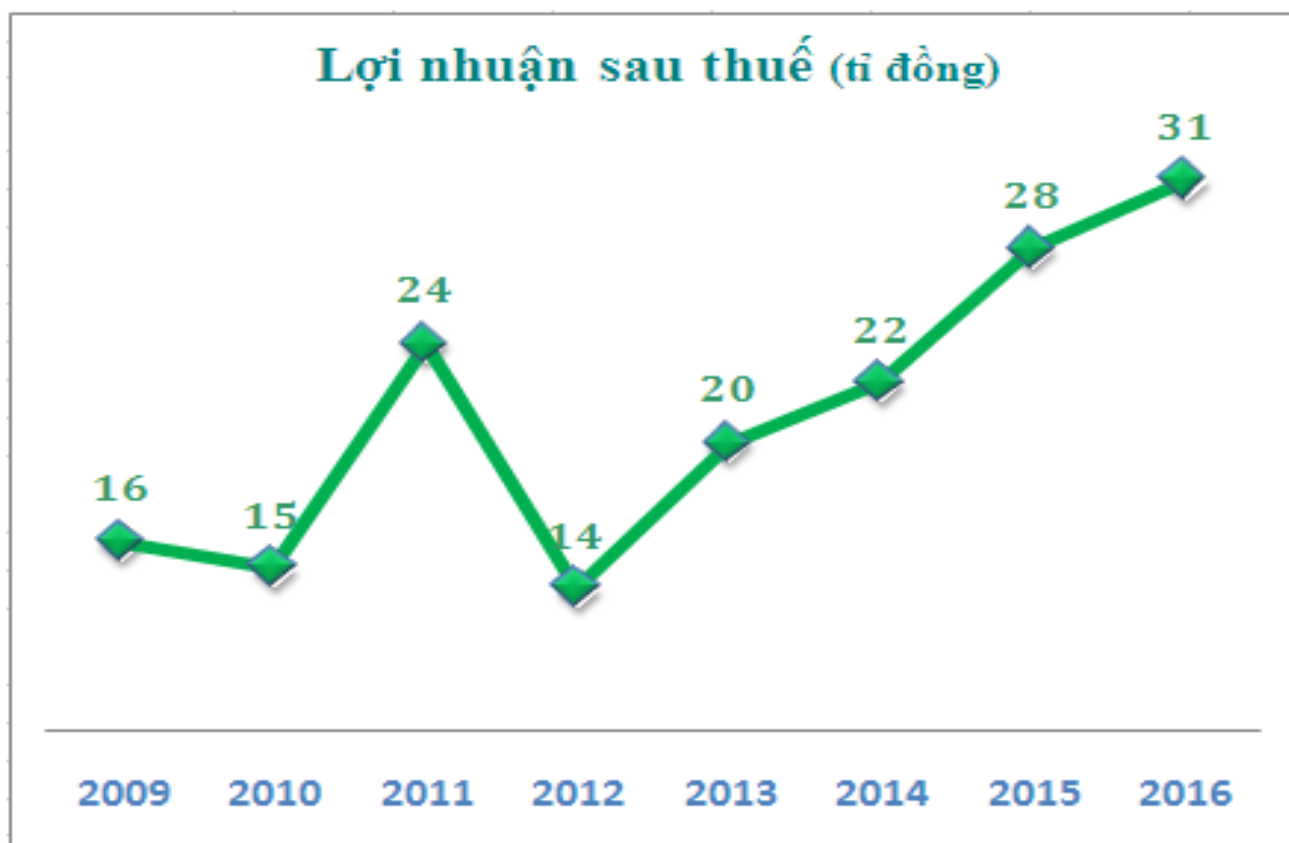
- Xây dựng bộ sản phẩm chiến lược cho cây trồng chủ lực và cây trồng tiềm năng, nhằm giảm thiểu và hạn chế tối đa những rủi ro đối với cây trồng mất năng suất và mất giá hiện nay như cây cao su, cà phê, bắp, thanh long; đồng thời cũng thuận lợi cho việc đưa các sản phẩm vào vùng sâu, vùng xa.

- Đánh giá lại hệ thống phân phối hiện tại, đặc biệt là các đại lý có tiềm năng hoặc đại lý có nguy cơ về tài chính để điều chỉnh kịp thời; Mở rộng hệ thống đại lý cấp 2, các đại lý bán hàng trực tiếp cho nông dân để giảm rủi ro về tài chính.

- Tạo quan hệ gắn bó với hệ thống phân phối qua các chương trình khuyến mãi, tổ chức gặp gỡ, hội thảo như chương trình bốc thăm trúng thưởng, đồng hành cùng SPC, phân nhóm khách hàng theo mức: khách hàng vip, khách hàng thân thiết, khách hàng thẻ đồng, thẻ bạc, thẻ vàng,..., mỗi nhóm sẽ được gắn với quyền lợi tương ứng.



- Tập trung đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, tăng cường phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là thị trường Campuchia và Myanmar. Xây dựng kế hoạch marketing phát triển sản phẩm khác nhau: sản phẩm mới, sản phẩm phổ biến đã có thương hiệu, sản phẩm có hiệu quả cao.



- Phân bổ đồng đều kế hoạch doanh số theo tháng, vụ, năm và kiểm soát chặt chẽ quá trình thực hiện để các đơn vị chi nhánh trực thuộc chủ động và quyết tâm trong việc thực hiện kế hoạch được giao.
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách thu hút, đào tạo, phân phối và sử dụng một cách hiệu quả trên cơ sở chủ động qui hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng các chức danh then chốt của Công ty. Thay đổi chính sách lao động tiền lương hợp lý, thỏa đáng để thu hút chất xám. Xây dựng một cơ chế lãnh đạo, quản lý mới một cách hệ thống, bài bản, tiếp thu các tri thức kinh doanh hiện đại; Nâng cao năng lực quản trị đạt tầm chuyên nghiệp và đẳng cấp.
- Trẻ hoá cán bộ lãnh đạo và quản lý. Các cán bộ lớn tuổi, có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm tạo thành một đội ngũ chuyên gia để hỗ trợ cho cán bộ lãnh đạo trẻ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

KẾT LUẬN:

Qua một năm sản xuất kinh doanh đầy biến động, toàn thể cán bộ công nhân viên SPC đã cùng nhau đoàn kết, nỗ lực, chia sẻ khó khăn để hoàn thành công tác và nhiệm vụ được phân công.

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017 rất nặng nề, tuy đã có những kế hoạch khắc phục và phương án hành động sẵn sàng, nhưng Công ty cũng không thể lường hết những biến cố, rủi ro; và nhiều công tác đổi mới ở Công ty đang trong quá trình rút kinh nghiệm để dần dần hoàn thiện. Để vượt qua thử thách, hoàn thành kế hoạch năm 2017 với kết quả như mong đợi của cổ đông và toàn thể CBCNV của SPC, Ban Điều hành Công ty rất mong có được sự đoàn kết, nhất trí của tập thể cán bộ công nhân viên, sự ủng hộ của Quý cổ đông, sự hỗ trợ của Lãnh đạo Tổng Công ty, các Sở Ban Ngành thành phố nhằm đóng góp cho sự nghiệp phát triển Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2016 :

- Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty. Tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty và các chi nhánh Hà Nội, Lào, Campuchia... Từ đó, báo cáo kiến nghị các giải pháp cho HĐQT và Ban điều hành nhằm ngăn ngừa những rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến đơn vị và lợi ích của cổ đông.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng quy chế, quy định của Công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành.
- Giám sát việc thực hiện pháp luật Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thông qua chương trình kiểm toán và tham gia làm việc cùng công ty kiểm toán độc lập, xem xét, kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm của đơn vị.

- Mức thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2016 :

- ✓ Trưởng Ban kiểm soát :
Hưởng lương chuyên trách
- ✓ Thành viên Ban kiểm soát : 2 triệu đồng/tháng.



2. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016:

2.1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2016 : ĐVT : đồng

* **Công nợ và hàng hóa tồn kho :**

	31.12.2015	31.12.2016
Tổng nợ :	230.867.361.214	256.543.917.236
Trong đó :		
Nợ trong hạn :	159.954.453.805	187.675.922.845
Nợ quá hạn :	70.912.907.409	62.006.606.888
<i>Nợ quá hạn <30 ngày</i>	<i>19.866.497.328</i>	<i>25.307.798.040</i>
<i>Nợ quá hạn <60 ngày</i>	<i>10.377.524.346</i>	<i>3.727.743.415</i>
<i>Nợ quá hạn <90 ngày</i>	<i>4.151.199.726</i>	<i>5.677.390.751</i>
<i>Nợ quá hạn >90 ngày</i>	<i>36.517.686.008</i>	<i>27.293.674.682</i>
Hàng hóa tồn kho	228.197.119.009	215.397.534.676

* **Doanh thu và lợi nhuận :**

1 STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Năm 2016		Tỷ lệ	
			Kế hoạch	Thực hiện đạt	3/1	3/2
A	B	1	2	3	4	5
1	Doanh thu	872.207	950.000	863.495	100%	91%
2	Lợi nhuận trước thuế	37.908	39.657	42.787	113%	108%
3	Lợi nhuận sau thuế	28.028	29.432	30.859	110%	105%
4	EPS	2.662	2.795	2.931		

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện

- Công nợ phải thu khách hàng cuối năm 2016 tăng 10% so với năm 2015 (tương đương 23,9 tỷ đồng). Trong đó, công nợ quá hạn chiếm 29% trong tổng công nợ cuối năm 2016. Tuy nhiên, công nợ quá hạn trên 90 ngày giảm 20% (tương đương 7,3 tỷ đồng). Công ty cần tiếp tục tăng cường công tác quản lý thu nợ, xác định và áp dụng các biện pháp thu nợ một cách có hiệu quả, giảm thiểu tối đa tổn thất đối với các khoản nợ khó đòi.
- Hàng tồn kho đến 31/12/2016 : giảm 6% (tương đương 12,8 tỷ đồng) so với thời điểm cùng kỳ năm 2015. Công ty đã ban hành các thông báo áp dụng định mức cho từng đơn vị chi nhánh nhằm kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho, giảm thiểu tối đa tình trạng hàng hóa bị cận date, hết date
- Doanh thu năm 2016 đạt 863 tỷ đồng, tương đương 100% so với năm 2015 và đạt 91% so với kế hoạch năm 2016
- Lợi nhuận sau thuế đạt 30,9 tỷ đồng, tăng 10% (tương đương 2,9 tỷ đồng) so với thực hiện năm 2015 và vượt 5% (tương đương 1,4 tỷ đồng) so với kế hoạch của năm 2016.

3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2016 :

Về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Công ty đã thực hiện với các kết quả như sau :

- Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin Học TPHCM (AISC) thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 theo đúng Nghị quyết.
- Công ty đã sử dụng và trích lập các quỹ đầu tư phát triển khen thưởng, phúc lợi theo đúng tinh thần của Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Công ty đã tiến hành thông báo và chi trả cổ tức năm 2015 đầy đủ cho các cổ đông theo Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 với tỷ lệ 15%/mệnh giá (1.500 đồng/cổ phiếu)
- Đã chi trả thù lao đầy đủ cho HĐQT và BKS theo nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016.
- Công ty đã thông báo việc sửa đổi Điều lệ theo nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016, công ty đã bổ nhiệm Bà Lương Thanh Huyền thay cho Bà Võ Ngọc Lan Chi giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát giai đoạn 2016-2017 thuộc nhiệm kỳ 2013-2017 kể từ ngày 08/04/2016 và thực hiện đầy đủ công tác bàn giao theo qui định.

4. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG

4.1 Về công tác chung :

- BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của công ty. Hoạt động của công ty là tuân thủ theo pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của công ty và các Nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- HĐQT và Ban điều hành đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung, có đầy đủ các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát tham gia, có biên bản họp sau khi kết thúc, những cuộc họp lấy ý kiến các thành viên đều được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, và phù hợp với Điều lệ công ty. Các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã ban hành kịp thời các Quy định, các Quy chế và các văn bản mới để áp dụng vào thực tiễn theo quy định của Tổng công ty và phù hợp với luật doanh nghiệp và luật pháp Việt Nam.
- Trong năm 2016 vẫn còn khó khăn do cạnh tranh gay gắt trên thị trường, tuy nhiên công ty đã kịp thời đưa ra các chính sách bán hàng phù hợp, phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch, tiết kiệm chi phí.

4.2 Về công tác đầu tư :

- Dự án tại Lào : tính đến thời điểm hiện tại, các công việc liên quan đến chuyển nhượng dự án đã thực hiện như sau :
- Đã tiến hành chuyển nhượng xong 4/5 dự án : Nông trại Pathumphon, Nông trại Bachiang, Nông trại Paksong và Nông trại Km15 với tổng giá trị thu hồi là 652.671 USD tương đương 14 tỷ đồng.
- Đã tiến hành thanh lý 34/75 tài sản là máy móc thiết bị sản xuất nông nghiệp, phương tiện vận chuyển,...với tổng giá trị thu hồi là 3,7 tỷ đồng.
- Như vậy, tổng giá trị thu hồi dự án đầu tư tại Lào đến thời điểm hiện nay là : 17,7 tỷ đồng.
- Dự án còn lại : Công ty đang tích cực tìm kiếm đối tác chuyển nhượng Trung tâm thương mại Km21 và các máy móc thiết bị còn lại. Tại đơn vị, Công ty chỉ còn tập trung cho hoạt động kinh doanh các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất phục vụ nông nghiệp.
- Dự án siêu thị Nông nghiệp tại Kiên Giang : Đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần cơ khí Kiên Giang, giá trị thu hồi của dự án : 7 tỷ đồng.
- Về đầu tư máy móc thiết bị :Tập trung đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị cho xí nghiệp Hiệp Phước để nâng cấp công nghệ và đầu tư phương tiện vận chuyển cho các chi nhánh trong năm 2016 bao gồm : Máy chiết rót, Máy khấn seal, Mâm xoay và sửa chữa bồn + quạt hệ thống xử lý khí cụm máy trộn Jmil và máy sấy WDG. Tổng giá trị thực hiện 4.739.316.000 đồng trên tổng kế hoạch được duyệt 5.646.760.000 đồng



5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BGĐ :

- Trong năm qua, giữa BKS với HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của Pháp luật, điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ.
- HĐQT tiếp tục giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua.
- Trong năm 2016, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.

6. CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT :

- Thanh lý dứt điểm dự án Lào để thu hồi vốn, tập trung nguồn vốn vào hoạt động sản xuất chính của đơn vị.
- Kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho, tiến hành xử lý những mặt hàng tồn kho lâu và không luân chuyển.
- Xử lý triệt để công nợ phải thu quá hạn thanh toán, triển khai sâu rộng Quy chế quản lý nợ đến từng đơn vị, nhân viên nhằm tăng cường công tác thu hồi công nợ, giảm thiểu rủi ro tài chính cho đơn vị.
- Lập kế hoạch về dòng tiền trong năm 2017 và giai đoạn tiếp theo để giải ngân cho các dự án đầu tư theo kế hoạch, cũng như chủ động trong quá trình mua nguyên liệu, vật tư bao bì sản xuất, phản ứng nhanh với thị trường.
- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng lao động, áp dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào quản lý và trong thực tiễn SXKD. Hoàn thiện quy trình quản lý, đào tạo và thu hút được nhiều nhân viên mới có năng lực. Có nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ động viên kịp thời cho nhân viên để công ty vẫn hoàn thành kế hoạch trong bối cảnh kinh tế khó khăn.
- Hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định nội bộ sử dụng trong công tác quản lý của công ty, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ.
- Tiếp tục phát động phong trào tiết kiệm, phát huy sáng kiến nhằm giảm thiểu chi phí một cách có hiệu quả, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh

7. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2017

- Hợp Ban kiểm soát tổ chức họp định kỳ mỗi quý 01 lần.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban Công ty, các cuộc họp của HĐQT.
- Giám sát các hoạt động tại Công ty trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện Điều lệ của Công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện và chấp hành các Quy chế, Quy trình khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, quản lý vật tư hàng hóa, công nợ, chi phí và đầu tư của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất với HĐQT và Ban giám đốc
- Kiểm tra công tác kiểm kê, việc ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí, lưu trữ chứng từ tại các Phòng/Ban Công ty.
- Thẩm định các báo cáo tài chính, đánh giá phân tích tình hình tài chính cũng như việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu một cách trung thực và khách quan.
- Thực hiện báo cáo thường xuyên, báo cáo định kỳ theo quy định của Tổng công ty
- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật chế độ chính sách mới





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TÍN HỌC TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10-11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12-48

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung về Công ty**Thành lập:**

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300632232 lần đầu ngày 14 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 21/05/2015.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty: các hoạt động chính.

- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Mua bán phân bón, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật.

Tên tiếng anh: SAI GON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: SPC JSC

Mã chứng khoán: SPC (UPCOM)

Trụ sở chính: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TpHCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Bà	Nguyễn Thị Hồng Ánh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31/12/2016)
Ông	Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên
Ông	Phan Văn Sang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/12/2016)
Ông	Đặng Thanh Cương	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Thúy	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông	Trần Đình Vũ	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27/01/2016)
Bà	Mai Thị Lệ Khuyên	Thành viên
Bà	Võ Ngọc Lan Chi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08/04/2016)
Bà	Lương Thanh Huyền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08/04/2016)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Quốc Dũng	Giám Đốc
Ông	Điêu Quang Trung	Phó Giám đốc
Bà	Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc
Bà	Bùi Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng

Trang 1

030
CỔ
CỐ
0 VI
SÀ
7-7

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Ông Nguyễn Quốc Dũng Giám Đốc

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2017

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Quốc Dũng

Thành viên Hội đồng Quản trị



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 0416137.CN.HN/AISC-DN3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn, được lập ngày 09 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St., Cầu Giấy Dist., Hà Nội

Tel : (04) 3782 0045 / 46 / 47 Fax : (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn

Branch in Đà Nẵng : 190, 3/2 St., Hải Châu Dist., Đà Nẵng City

Tel : (0511) 3747 619 Fax : (0511) 3747 620 Email: aiscdn@gmail.com

Representative in Cần Thơ : 243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist., Cần Thơ City

Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St., Hồng Bàng Dist., Hải Phòng

Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

Trang 3

2232-0
TỶ
ÁN
VẬT
ON
CHỈ MÃ

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Hãng Kiểm toán AASC, với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 10 tháng 03 năm 2016.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN**Hà Quế Nga***Số giấy CNDKHNKT: 2801-2014-05-01**Bộ Tài Chính Việt Nam cấp***KT. TỔNG GIÁM ĐỐC****PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****Trương Diệu Thúy***Số GCNDKHNKT: 0212-2013-05-1**Bộ Tài Chính Việt Nam cấp*

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		536.010.914.919	491.710.377.697
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	91.406.420.924	45.937.234.582
1. Tiền	111		78.406.420.924	45.937.234.582
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		474.361.200	636.480.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.837.670.000	1.837.670.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.363.308.800)	(1.201.190.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		242.123.278.789	221.962.101.234
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	256.543.917.236	230.921.221.860
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.048.659.862	1.326.973.965
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	30.233.817.045	34.298.035.441
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,5	(47.770.918.906)	(44.611.598.237)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		67.803.552	27.468.204
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	196.003.189.466	215.454.778.682
1. Hàng tồn kho	141		215.397.534.676	228.197.119.009
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19.394.345.210)	(12.742.340.327)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.003.664.540	7.719.783.199
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	589.436.167	506.088.058
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.414.228.373	7.213.695.141
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 5

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.833.873.023	61.270.436.981
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		448.435.865	281.130.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	448.435.865	281.130.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.152.372.878	28.042.858.358
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	16.533.449.040	22.916.596.280
- Nguyên giá	222		117.164.631.491	125.982.951.036
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.631.182.451)	(103.066.354.756)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	2.676.396.028	2.129.575.268
- Nguyên giá	225		3.023.813.590	2.408.334.749
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(347.417.562)	(278.759.481)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.942.527.810	2.996.686.810
- Nguyên giá	228		4.142.451.250	4.142.451.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.199.923.440)	(1.145.764.440)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	2.826.853.288	3.172.171.188
- Nguyên giá	231		4.532.738.659	4.595.224.717
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.705.885.371)	(1.423.053.529)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	565.706.880	565.706.880
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		565.706.880	565.706.880
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	11.210.325.089	11.167.242.437
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.210.325.089	11.167.242.437
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.630.179.023	18.041.328.118
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	18.630.179.023	18.041.328.118
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.22	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		591.844.787.942	552.980.814.678

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 6

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		413.787.574.620	384.859.756.734
I. Nợ ngắn hạn	310		402.605.394.419	371.997.095.722
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.14	300.656.634.563	243.584.690.850
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	690.396.987	1.085.222.128
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	3.345.661.124	5.319.897.891
4. Phải trả người lao động	314		31.973.963.521	23.343.229.464
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.876.622.765	2.029.315.568
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	2.950.000.000	1.539.100.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	18.658.777.241	16.300.506.101
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	38.355.683.218	74.324.716.719
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	4.097.655.000	4.470.417.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11.182.180.201	12.862.661.012
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	4.348.254.000	4.928.254.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	1.507.329.972	1.798.592.869
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	5.326.596.229	6.135.814.143
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		178.057.213.322	168.121.057.945
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	178.057.213.322	168.121.057.945
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		105.300.000.000	105.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.300.000.000	105.300.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		782.715.818	782.715.818
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		8.372.019.776	7.509.500.175
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.458.634.818	15.883.435.602
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.143.842.910	38.645.406.349
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.285.127.916	10.617.410.270
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.858.714.994	28.027.996.079
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		591.844.787.942	552.980.814.678

Tp Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Phùng Thái Phương Trang

Bùi Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Quốc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	882.626.198.282	894.061.400.858
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	19.131.035.559	21.853.902.586
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	863.495.162.723	872.207.498.272
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	660.672.214.886	644.455.059.490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		202.822.947.837	227.752.438.782
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	5.554.098.846	6.340.389.540
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	19.569.197.647	21.467.412.549
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.873.075.278	3.263.400.121
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VI.7	43.082.652	244.954.027
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8	134.029.547.264	151.705.693.330
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	23.621.555.083	24.422.166.480
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		31.199.829.341	36.742.509.990
12. Thu nhập khác	31	VI.9	12.251.073.047	7.245.479.999
13. Chi phí khác	32	VI.10	663.776.166	6.080.068.535
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		11.587.296.881	1.165.411.463
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.787.126.222	37.907.921.453
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.12	12.737.629.142	10.721.277.748
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.13	(809.217.914)	(841.352.374)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		30.858.714.994	28.027.996.079
Cổ đông của Công ty mẹ	61		30.858.714.994	28.027.996.079
Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.14	2.931	2.662
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.14	2.931	2.662

Tp Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Phùng Thái Phương Trang

Bùi Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Quốc Dũng

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 9

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		42.787.126.222	37.907.921.453
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.09-12	6.626.626.225	7.318.577.818
- Các khoản dự phòng	03		9.976.022.611	9.653.220.290
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		971.560.053	(67.475.258)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.049.270.368)	1.304.199.613
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	3.263.400.121	3.263.400.121
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		62.575.464.864	59.379.844.037
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(20.824.183.284)	(19.373.836.170)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		12.799.584.333	(27.804.934.893)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		72.252.109.624	44.755.013.209
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(672.199.014)	722.470.863
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.263.400.121)	(3.220.532.080)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.472.356.818)	(9.731.121.097)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(11.238.225.278)	(6.246.792.736)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		96.156.794.305	38.480.111.133
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.514.688.123)	(4.097.787.991)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		5.905.694.986	2.995.640.374
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.188.849.977	2.101.609.141
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.579.856.840	999.461.524

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 10

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		231.757.912.324	229.468.466.833
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(267.589.629.446)	(236.137.434.412)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(428.579.276)	(608.066.330)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.221.656.250)	(6.650.926.051)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(55.481.952.648)	(13.927.959.960)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		45.254.698.497	25.551.612.697
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		45.937.234.582	20.318.146.627
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		214.487.845	67.475.258
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		91.406.420.924	45.937.234.582

Tp Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Phùng Thái Phương Trang

Bùi Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Quốc Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là :

- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp.
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- Mua bán phân bón, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2016: 496 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 504 nhân viên)

6. Cấu trúc doanh nghiệp

6.1. Tổng số các Công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 02 công ty con.

6.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào (*)	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Cambodia	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	100%	100%	100%

(*) Tại thời điểm hiện tại, Công ty vẫn tiếp tục duy trì lĩnh vực kinh doanh Thuốc Bảo vệ Thực vật. Tất cả các khoản lỗ của Công ty con này đã được Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn dự phòng đầy đủ theo quy định hiện hành.

6.3. Danh sách các công ty liên kết:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	Cung ứng XK lao động, môi giới thương mại, kinh doanh hàng nông sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.	36.35%	36.35%	36.35%

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 12

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6.4. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Hà Nội	TP. Hà Nội	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Kiên Giang	Tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Trạm dịch vụ Bảo vệ thực vật	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Cần Thơ	TP. Cần Thơ	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Xí nghiệp Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh Tân An	Tỉnh Long An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
- Chi nhánh An Giang	Tỉnh An Giang	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại (hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ) phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty con

* Khi Công ty tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của 4 Ngân hàng HSBC, ngân hàng Nông nghiệp, ngân hàng BIDV, ngân hàng Vietin. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2016: 22.717 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của bình quân của 4 Ngân hàng HSBC, ngân hàng Nông nghiệp, ngân hàng BIDV, ngân hàng Vietin. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2016: 22.795 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nhân công chính.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyển giao và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh từ thời điểm mà tài sản vô hình đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định vô hình đến khi tài sản được đưa vào sử dụng.

7.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

7.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc

06- 25 năm

Máy móc, thiết bị

06- 25 năm

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 17

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	03 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; quyền sử dụng đất.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán. Khi Bất động sản đầu tư tăng trở lại thì Công ty thực hiện hoàn nhập tối đa bằng số đã ghi giảm trước đây.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 năm
--------------------------	--------

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; tiền thuê kho; chi phí phần mềm máy tính; chi phí khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (44 năm).

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi vay, chi phí chiết khấu khuyến mại đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận, thông báo khuyến mại của công ty.

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc niên độ.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm dự phòng phải trả xử lý hóa chất bảo vệ thực vật quá hạn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu đối với giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện.

Khi hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng hàng hóa dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, khoản doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ khi người mua đã nhận được hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc được chiết khấu, giảm giá theo quy định của chương trình.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 21

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau: thuế suất 20%.

21. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

22. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

24. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
Tiền	78.406.420.924	45.937.234.582
Tiền mặt	25.360.069.197	19.589.439.104
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.046.351.727	26.347.795.478
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	13.000.000.000	-
Cộng	91.406.420.924	45.937.234.582

2. Các khoản đầu tư tài chính: xem trang 43.

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng [*]	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	256.543.917.236	(22.684.739.900)	230.921.221.860	(19.527.019.178)
Đại lý SEAR KIM SRU	8.646.580.244	-	7.375.606.548	-
Đại lý LIM KUON HENG	11.001.893.671	-	6.645.658.924	(437.274.292)
Đại lý CHHUN HONG	8.899.833.715	-	3.950.713.765	-
Các khoản phải thu khách hàng khác (*)	227.995.609.605	(22.684.739.900)	212.949.242.623	(19.089.744.886)
Cộng	256.543.917.236	(22.684.739.900)	230.921.221.860	(19.527.019.178)

(*) Các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2016 được dùng làm tài sản thế chấp vay ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 172/2015-HĐTC/NHCT902-SPC.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	3.048.659.862	-	1.326.973.965	-
+ Công ty TNHH Xây Dựng & Thương Mại Phú Gia Sinh	-	-	893.734.401	-
+ Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Hà Huy	957.600.000	-	-	-
+ S.a Ajinomoto Omnicem N.v	1.053.360.000	-	-	-
+ Shine Resources Ltd	273.348.020	-	-	-
+ Công ty TNHH Xây dựng Thương mại & Dịch vụ Cầu Vòng	381.000.000	-	-	-
+ Các nhà cung cấp khác	383.351.842	-	433.239.564	-
Cộng	3.048.659.862	-	1.326.973.965	-

5. Phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	30.233.817.045	(25.086.179.006)	34.298.035.441	(25.084.579.059)
Phải thu BHXH	9.184.461	-	173.266.849	-
Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi	1.951.161.106	-	1.127.342.416	-
Ký cược, ký quỹ	1.317.104.006	-	6.263.674.242	-
Tạm ứng	1.273.093.701	(4.215.393)	1.396.016.596	(1.963.055)
Công ty TNHH Monsanto Thailand (1)	22.813.197.000	(22.813.197.000)	22.813.197.000	(22.813.197.000)
Phải thu Công ty TNHH Dekalb Việt Nam mượn hàng (2)	1.517.247.000	(1.517.247.000)	1.517.247.000	(1.517.247.000)
Phải thu về chi hộ Công ty TNHH Dekalb Việt Nam	704.195.213	(704.195.213)	704.195.213	(704.195.213)
+ Chi phí vận chuyển	98.656.600	(98.656.600)	98.656.600	(98.656.600)
+ Chi phí tải chế hàng hộ Dekalb	605.148.613	(605.148.613)	605.148.613	(605.148.613)
+ Cho mượn hàng và chi hộ bằng sản phẩm cho các chương trình khuyến mãi (3 mặt hàng C991, DK9901, DK414)	390.000	(390.000)	390.000	(390.000)
Phải thu khác	648.634.558	(47.324.400)	303.096.126	(47.976.791)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 24

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 11.306.572.331 VND.

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: hàng tồn kho mất phẩm chất chủ yếu là hàng cận hạn, quá hạn sử dụng, hàng hư hỏng (bể chai, bao bì bị bục xì...)... Các hàng tồn kho là hóa chất sẽ được Công ty thuê ngoài để xử lý đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên môi trường về xử lý chất thải nguy hại, riêng đối với các công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu khác sẽ được Công ty tận dụng hoặc bán thanh lý.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm (xem thuyết minh số V.20 - Vay và nợ thuê tài chính)

- Lý do dẫn đến việc hoàn nhập dự phòng: giá của nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa giảm tại 31/12/2016.

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	565.706.880	-	565.706.880	-
Dự án Kho Long An	407.320.574	-	407.320.574	-
Dự án kho mở rộng Cần Thơ	158.386.306	-	158.386.306	-
Cộng	565.706.880	-	565.706.880	-

9. Tài sản cố định hữu hình: xem trang 45.

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.800.132.247	608.202.502	2.408.334.749
Thuê TC trong năm	1.301.199.000	-	1.301.199.000
Mua lại TSCĐ thuê TC	-	(608.202.502)	(608.202.502)
Giảm khác	(77.517.657)	-	(77.517.657)
Số dư cuối năm	3.023.813.590	-	3.023.813.590
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	278.759.481	278.759.481
Khấu hao trong năm	347.417.562	-	347.417.562
Mua lại TSCĐ thuê TC	-	(278.759.481)	(278.759.481)
Số dư cuối năm	347.417.562	-	347.417.562
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.800.132.247	329.443.021	2.129.575.268
Số dư cuối năm	2.676.396.028	-	2.676.396.028

* Điều khoản quyền được mua tài sản: Trong kỳ doanh nghiệp có mua lại 01 xe tải pickup cabin kép Ford Ranger XLS, biển số 50LD-026.87, số khung MNCDF20DW168019, số máy P4AT1079323 từ công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00012-000 ngày 28/02/2013 và biên bản thanh lý hợp đồng cho thuê tài chính được lập ngày 04/04/2016, giá mua 666.082.452 VND, giá trị mua lại 3.331.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.213.389.900	395.886.350	533.175.000	4.142.451.250
Số dư cuối năm	3.213.389.900	395.886.350	533.175.000	4.142.451.250
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	216.703.090	395.886.350	533.175.000	1.145.764.440
Khấu hao trong năm	54.159.000	-	-	54.159.000
Số dư cuối năm	270.862.090	395.886.350	533.175.000	1.199.923.440
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.996.686.810	-	-	2.996.686.810
Số dư cuối năm	2.942.527.810	-	-	2.942.527.810

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	4.595.224.717	4.595.224.717
Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	(62.486.058)	(62.486.058)
Số dư cuối năm	4.532.738.659	4.532.738.659
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.423.053.529	1.423.053.529
Khấu hao trong năm	302.182.584	302.182.584
Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	(19.350.741)	(19.350.741)
Số dư cuối năm	1.705.885.371	1.705.885.371
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	3.172.171.188	3.172.171.188
Số dư cuối năm	2.826.853.288	2.826.853.288

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa cho thuê tại Huyện Bachieng, tỉnh Champasak, Quốc gia Lào.

13. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	589.436.167	506.088.058
+ Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	426.794.683	316.683.541
+ Chi phí bảo hiểm	9.923.112	-
+ Chi phí thuê kho	129.145.453	102.459.779
+ Chi phí phần mềm máy tính chờ phân bổ	23.572.919	47.145.837
+ Các khoản khác	-	39.798.901

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 27

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Chi phí trả trước dài hạn	18.630.179.023	18.041.328.118
Chi phí thuê đất Hiệp Phước (*)	15.799.419.047	16.264.107.839
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	273.835.793	61.019.244
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.940.806.693	1.027.508.459
Chi phí cải tạo đất thuê tại Lào	592.885.167	634.450.510
Các chi phí khác	23.232.323	54.242.066
Cộng	19.219.615.190	18.547.416.176

(*) Đây là khoản chi phí thuê đất trả trước cho diện tích 42.123 m² thuộc lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 80/HĐTD.05 ngày 27/06/2015 và Phụ lục hợp đồng số 09 ngày 28/07/2008 giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Tân Thuận, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 06 năm 2005.

14. Phải trả người bán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	300.656.634.563	300.656.634.563	243.584.690.850	243.584.690.850
+ Kolon Global Corporation	27.585.397.616	27.585.397.616	36.499.148.112	36.499.148.112
+ Nongfeng Agrochem Co.,Ltd	132.499.240.240	132.499.240.240	88.956.417.435	88.956.417.435
+ Changzhou Eastchem International	29.013.281.952	29.013.281.952	46.985.890.889	46.985.890.889
+ Công ty TNHH TM & SX Nam Long Phát	17.192.274.409	17.192.274.409	16.410.465.079	16.410.465.079
+ Jiangsu Sinamyang Import & Export Co., Ltd	15.284.577.130	15.284.577.130	6.947.018.400	6.947.018.400
+ Phải trả các đối tượng khác	79.081.863.216	79.081.863.216	47.785.750.935	47.785.750.935
Cộng	300.656.634.563	300.656.634.563	243.584.690.850	243.584.690.850

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2016	01/01/2016
Ngắn hạn	690.396.987	1.085.222.128
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Kiên Giang	-	1.000.000.000
+ Phạm Trường Giang	300.871.200	-
+ Cửa hàng thuốc bảo vệ thực vật Thúy Sầm	230.861.263	-
+ Các khách hàng khác	158.664.524	85.222.128
Cộng	690.396.987	1.085.222.128

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 28

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
Thuế giá trị gia tăng	781.735.601	109.389.581.454	108.869.826.524	1.301.490.532
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.498.659.695	2.375.971.695	122.688.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.040.848.862	12.737.629.142	15.440.341.792	1.338.136.212
Thuế thu nhập cá nhân	380.984.009	2.389.718.171	2.303.685.219	467.016.961
Các loại thuế khác	116.329.419	-	-	116.329.419
Cộng	5.319.897.891	127.015.588.461	128.989.825.229	3.345.661.124

17. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
Ngắn hạn	1.876.622.765	2.029.315.568
Chi phí lãi vay	31.565.942	106.304.994
Trích trước chương trình bán hàng	1.845.056.823	1.923.010.574
Cộng	1.876.622.765	2.029.315.568

18. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2016	01/01/2016
Ngắn hạn		
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	2.950.000.000	1.539.100.000
Cộng	2.950.000.000	1.539.100.000

19. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	762.173.152	710.381.172
Phải trả về chiết khấu thương mại	3.941.861.871	4.778.238.034
Phải trả lãi ký quỹ	275.882.665	332.337.556
Phải trả về hỗ trợ phí vận chuyển, thanh toán	48.595.060	319.023.409
Phải trả chiết khấu thanh toán	9.151.980.989	3.642.842.589
Phải trả CBCNV tiền bồi dưỡng độc hại	1.237.238.644	-
Phải trả về nhận đổi hàng cho khách hàng	1.647.995.452	339.290.966
Cổ tức phải trả	798.896.227	4.451.840.350
+ Công ty Cổ phần Nông dược H.A.I	107.250.000	-
+ Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn	-	4.147.020.000
+ Cổ đông khác	691.646.227	304.820.350
Các khoản phải trả, phải nộp khác	794.153.181	1.726.552.026
Cộng	18.658.777.241	16.300.506.101
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.348.254.000	4.928.254.000
Cộng	4.348.254.000	4.928.254.000

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 29

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	38.355.683.218	38.355.683.218	74.324.716.719	74.324.716.719
Vay ngân hàng	37.588.955.517	37.588.955.517	72.339.925.894	72.339.925.894
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	-	24.469.482.740	24.469.482.740
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh Tp. HCM (1)	11.995.000.000	11.995.000.000	1.576.750.000	1.576.750.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Tp. HCM (2)	19.760.114.914	19.760.114.914	30.245.205.154	30.245.205.154
+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (3)	4.758.429.403	4.758.429.403	16.048.488.000	16.048.488.000
+ Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (4)	1.075.411.200	1.075.411.200	-	-
Vay cá nhân (5)	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	696.727.701	696.727.701	1.914.790.825	1.914.790.825
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - Chi nhánh Tp. HCM	-	-	759.334.981	759.334.981
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Tp. HCM	-	-	800.000.000	800.000.000
+ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam (6)	319.192.104	319.192.104	355.455.844	355.455.844
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Sao Việt (7)	239.563.246	239.563.246	-	-
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Song Hiệp Lợi (8)	137.972.351	137.972.351	-	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 30

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.507.329.972	1.507.329.972	1.798.592.869	1.798.592.869
Vay ngân hàng	-	-	724.946.726	724.946.726
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Tp. HCM	-	-	724.946.726	724.946.726
Nợ thuê tài chính dài hạn	1.507.329.972	1.507.329.972	1.073.646.143	1.073.646.143
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Sao Việt (9)	368.558.828	368.558.828	-	-
+ Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Vn - Song Hiệp Lợi (10)	318.590.767	318.590.767	-	-
+ Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam (11)	820.180.377	820.180.377	1.073.646.143	1.073.646.143
Cộng	39.863.013.190	39.863.013.190	76.123.309.588	76.123.309.588

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng gồm các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
Hợp đồng tín dụng 1700-LAV-201501050 ngày 16/09/2015. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, chi lương và các chi phí sản xuất, chi phí tài chính. Thanh toán L/C đến hạn, bảo lãnh. Hạn mức: 100 tỷ đồng.	6 tháng kể từ ngày nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	11.995.000.000	Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng số 1700-LCL-201500653 ngày 25/09/2015. Giá trị tài sản là 90.190.000.000 đồng.
Hợp đồng tín dụng số 173/2015-HĐTDHM/NHCT902-SPC ngày 30/09/2015. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Hạn mức: 150 tỷ đồng	6 tháng kể từ ngày nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	19.760.114.914	Thế chấp quyền tài sản theo hợp đồng số 172/2015-HĐTC/NHCT902-SPC ngày 30/03/2015. Giá trị tài sản thế chấp tại mọi thời điểm là 200.000.000.000 VND.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 31

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Văn bản số 447/2016/5778006/HĐT D ngày 28/04/2016 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số				
3.	383/2014/5778006/HĐT ngày 28/04/2014. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C. Hạn mức : 150 tỷ đồng	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	4.758.429.403 Tín chấp

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số QPDP.DN.01130616 ngày 20/06/2016. Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh và thanh toán LC nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào. Hạn mức : 40.000.000.000 đồng.				
4.		6 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	1.075.411.200 Tín chấp

Thuyết minh khoản vay cá nhân

	Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
5.	Khoản vay cán bộ công nhân viên theo thông báo của Công ty ngày 11/05/2011	-	8,00%	70.000.000	Tín chấp

Thuyết minh các khoản nợ thuê tài chính

Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam gồm có các hợp đồng vay sau:

	Số hợp đồng	Thời hạn thuê	Lãi suất	Số dư	Mục đích thuê
7; 9	Hợp đồng mua bán 3 bên số 02/VILC-SPC/2016 căn cứ trên hợp đồng cho thuê tài chính số 2016-00102-000 ngày 09/06/2016	36 tháng	8,38%	608.122.074	Mua thiết bị phân tích phân bổ kích thước hạt horiba

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8; 10	Hợp đồng mua bán 3 bên số 01/VILC-SPC/2016 căn cứ trên hợp đồng cho thuê tài chính số 2016-00102-000 ngày 15/06/2016	36 tháng	8,38%	456.563.118	Mua máy chiết rót thuốc bảo vệ thực vật
6; 11	Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00196-000 ngày 09/10/2015. Hạn mức: 2.036.467.000 đồng.	48 tháng	8,20%	1.139.372.481	Mua tài sản - dây chuyền sản xuất

c. Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Năm 2016		Năm 2015	
	Trả lãi	Trả gốc	Trả lãi	Trả gốc
Từ 1 năm đến 5 năm	100.705.785	428.579.276	-	-
Cộng	100.705.785	428.579.276	-	-

d. Khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan

	31/12/2016		01/01/2016	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Nguyễn Quốc Dũng	54.000.000	-	54.000.000	-
Cộng	54.000.000	-	54.000.000	-

21. Dự phòng phải trả

Ngắn hạn

Dự phòng phải trả khác (Chi phí xử lý hàng tồn kho hết niên hạn, kém phẩm chất đã được trích dự phòng)

Cộng

31/12/2016

01/01/2016

4.097.655.000 4.470.417.000

4.097.655.000 4.470.417.000

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định Giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại

20%

20%

- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ đầu năm

-

-

- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

2.181.616.380

1.673.117.571

- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

(1.673.117.571)

(1.159.445.693)

- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(508.498.809)

(513.671.878)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 33

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	5.326.596.229	6.135.814.143
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ đầu năm	6.135.814.143	6.977.166.517
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(300.719.105)	(327.680.496)
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(508.498.809)	(513.671.878)
Cộng	5.326.596.229	6.135.814.143

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang 46.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2016	01/01/2016
Vốn góp Công ty mẹ-Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn-TNHH MTV	59,33%	62.470.200.000	62.470.200.000
Vốn góp của các cổ đông khác	40,67%	42.829.800.000	42.829.800.000
Cộng	100,00%	105.300.000.000	105.300.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
Vốn góp của chủ sở hữu	105.300.000.000	105.300.000.000
Vốn góp đầu năm	105.300.000.000	105.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	105.300.000.000	105.300.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.795.000.000	10.530.000.000

d. Cổ tức

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường

Năm 2016	Năm 2015
15%	10%

đ. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.530.000	10.530.000
Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.530.000	10.530.000
Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

e. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

Cộng

31/12/2016

01/01/2016

21.458.634.818

15.883.435.602

21.458.634.818

15.883.435.602

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

24. Chênh lệch tỷ giá

Số dư đầu năm

Số tăng trong năm

+ Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND

Số giảm trong năm

Cộng

Năm 2016

Năm 2015

7.509.500.175

8.122.496.962

862.519.600

(612.996.787)

862.519.600

(612.996.787)

-

-

8.372.019.776

7.509.500.175

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

USD

Cộng

31/12/2016

01/01/2016

Giá trị

Giá trị

189.025,50

1.846,04

189.025,50

1.846,04

b. Nợ khó đòi đã xử lý

31/12/2016

01/01/2016

VND

VND

- Công ty TNHH Vinh Hiền

21.224.845

21.224.845

- Hợp tác xã Thịnh Phát

26.018.647

26.018.647

- Cửa hàng Văn Xinh

66.238.251

66.238.251

- Ông Trần Hoàng Nam

26.000.000

26.000.000

- Ông Giang Minh Tường

17.147.520

17.147.520

- Ông Đinh Đoàn Đơn Vương

12.975.674

12.975.674

- Ông Lê Thanh Tùng

12.339.549

12.339.549

- Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Minh Trí

21.889.448

-

- Các đối tượng khác

464.790.627

464.790.627

Cộng

668.624.561

646.735.113

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng

Cộng

Năm 2016

Năm 2015

882.626.198.282

894.061.400.858

882.626.198.282

894.061.400.858

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2016	Năm 2015
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	7.635.071.986	12.698.571
Hàng bán bị trả lại	11.495.963.573	21.841.204.015
Cộng	19.131.035.559	21.853.902.586
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	863.495.162.723	872.207.498.272
Cộng	863.495.162.723	872.207.498.272
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng bán hàng hóa, thành phẩm	670.608.145.801	644.173.993.438
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.660.280.830	281.066.052
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(16.596.211.745)	-
Cộng	660.672.214.886	644.455.059.490
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	376.411.777	1.521.449.344
Cổ tức, lợi nhuận được chia	812.438.200	580.159.797
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.182.774.985	4.141.999.243
Doanh thu hoạt động tài chính khác	182.473.883	96.781.156
Cộng	5.554.098.846	6.340.389.540
6. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay và thuê tài chính	3.873.075.278	3.263.400.121
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	7.128.336.235	2.659.358.387
Lãi nhận ký quỹ, ký cược	209.041.262	472.178.976
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.851.335.664	14.175.168.531
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	971.560.053	621.906.534
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	162.118.800	275.400.000
Chi phí tài chính khác	373.730.354	-
Cộng	19.569.197.647	21.467.412.549
7. Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		
+ Tại Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa	43.082.652	244.954.027
Cộng	43.082.652	244.954.027
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	63.555.066.969	59.158.020.881
Chi phí vật liệu, bao bì	8.049.101.996	8.667.897.048
Chi phí thuê mặt bằng, nhà trọ	5.008.027.684	5.100.150.875

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 36

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi phí vận chuyển, bốc xếp, kiểm định, kiểm nghiệm	8.737.928.834	12.364.391.193
Chi phí quảng cáo, tuyên truyền	5.516.142.190	7.794.678.370
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.891.871.402	1.925.757.178
Chi phí khuyến mại	9.178.651.626	32.618.679.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.478.351.737	1.837.207.749
Chi phí bằng tiền khác	30.614.404.827	22.238.910.929
Cộng	134.029.547.264	151.705.693.330
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	8.433.623.572	6.684.027.776
Chi phí vật liệu, bao bì	1.354.446.140	1.546.625.399
Chi phí khấu hao TSCĐ	561.747.840	541.659.023
Thuế, phí, lệ phí	403.498.765	152.009.045
Dự phòng phải thu khó đòi	3.153.622.981	4.626.337.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.417.048.957	3.761.969.938
Chi phí bằng tiền khác	6.297.566.828	7.109.538.061
Cộng	23.621.555.083	24.422.166.480
9. Thu nhập khác	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập từ chiết khấu thương mại	58.232.600	
Thu nhập từ bán phuy	4.014.100.870	3.304.545.460
Thu nhập cho thuê	1.493.551.768	795.989.463
Thanh lý tài sản cố định	6.165.502.137	723.728.345
Thu nhập từ khoản hỗ trợ từ khách hàng	-	2.002.777.700
Các khoản khác	519.685.672	418.439.030
Cộng	12.251.073.047	7.245.479.999
10. Chi phí khác	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	100.918.786
Chi phí chuyển nhượng dự án Núi Thevada - Pakson	-	4.273.572.340
Chi phí thanh lý hàng tồn kho	162.058.654	466.536.970
Phạt vi phạm hành chính	370.908.017	1.092.248.478
Các khoản khác	130.809.495	146.791.961
Cộng	663.776.166	6.080.068.535
11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	938.287.496.555	855.621.067.160
Chi phí nhân công	77.002.009.431	73.913.287.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.076.454.870	6.391.526.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.884.511.640	36.431.544.125
Chi phí khác bằng tiền	44.499.909.070	70.513.161.270
Cộng	1.093.750.381.566	1.042.870.586.512

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 37

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2016	Năm 2015
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm	10.526.297.813	10.721.277.748
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	8.753.721.030	9.003.137.496
Chi phí thuế TNDN tại Công ty con	1.772.576.783	1.718.140.252
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	2.211.331.329	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.737.629.142	10.721.277.748
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí thuế TNDN hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	800.418.171	1.159.445.693
Chi phí thuế TNDN hoãn lại liên quan chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.308.916.980)	(1.673.117.571)
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(300.719.105)	(327.680.496)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(809.217.914)	(841.352.374)
14. Lãi trên cổ phiếu	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.858.714.994	28.027.996.079
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.858.714.994	28.027.996.079
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.530.000	10.530.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.931	2.662
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	2.931	2.662

(*): Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

15. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

15.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm 2016		
VND	100	(2.491.132.268)
	-100	2.491.132.268
Năm 2015		
VND	100	(2.737.707.659)
	-100	2.737.707.659

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 474.361.200 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2016 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 47.436.120 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 47.436.120 đồng Việt Nam.

15.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định. Các khoản phải thu khó đòi đã được Công ty trích lập dự phòng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

15.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm

2016	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	38.355.683.218	1.507.329.972	-	39.863.013.190
Phải trả người bán	300.656.634.563	-	-	300.656.634.563
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	17.737.091.982	-	-	17.737.091.982
	356.749.409.764	1.507.329.972	-	358.256.739.736

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các khoản vay và nợ	74.324.716.719	1.798.592.869	-	76.123.309.588
Phải trả người bán	243.584.690.850	-	-	243.584.690.850
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	13.167.600.148	-	-	13.167.600.148
	331.077.007.716	1.798.592.869	-	332.875.600.585

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 40

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.20 - Vay và nợ thuê tài chính).

16. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: xem trang 47.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Năm 2016

231.757.912.324

Năm 2015

229.468.466.833

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Năm 2016

(267.589.629.446)

Năm 2015

(236.137.434.412)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Giao dịch với các bên liên quan và thành viên chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan và thành viên chủ chốt trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	9.370.530.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	812.438.200	-
		Mua hàng	644.755.287	(123.141.310)
		Bán hàng	21.431.443.717	16.641.406.089
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc	Vay ngắn hạn	-	(54.000.000)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 41

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		Năm 2016	Năm 2015
Hội đồng quản trị	Thù lao và thưởng	1.034.560.278	308.900.000
Ban Giám đốc	Lương và thưởng	1.759.515.292	1.526.464.055
Cộng		2.794.075.570	1.835.364.055

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận: xem trang 48.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tp Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2017

GIÁM ĐỐC






Phùng Thái Phương Trang

Bùi Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Quốc Dũng

Mẫu số B 09 - DN/HN

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

a. Chứng khoán kinh doanh	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	1.837.670.000	474.361.200	(1.363.308.800)	1.837.670.000	636.480.000	(1.201.190.000)
Cổ phiếu CTCP Nông dược H.A.I (HAD)	1.837.670.000	474.361.200	(1.363.308.800)	1.837.670.000	636.480.000	(1.201.190.000)
Cộng	1.837.670.000	474.361.200	(1.363.308.800)	1.837.670.000	636.480.000	(1.201.190.000)

Giá trị hợp lý của mã H.A.I Được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2016.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2016		01/01/2016			
	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên kết	11.210.325.089	-	11.210.325.089	11.167.242.437	-	11.167.242.437
Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa	11.210.325.089	-	11.210.325.089	11.167.242.437	-	11.167.242.437
Cộng	11.210.325.089	-	11.210.325.089	11.167.242.437	-	11.167.242.437

- Thuyết minh khoản đầu tư vào công ty liên kết :

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã đầu tư 7.510.164.939 VND, tương đương với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết 36,35% (số đầu năm là 7.510.164.939 VND, tương đương với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết 36,35%). Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa là cung ứng XK lao động, môi giới thương mại, kinh doanh hàng nông sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

Trong năm Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa chỉ trả cổ tức: 812.438.200 VND.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 43

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.6. Nợ khó đòi	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	52.655.975.932	4.885.057.025	59.052.320.768	14.440.722.531
+ Công ty TNHH Monsanto Thailand	22.813.197.000	-	22.813.197.000	-
+ Công ty TNHH Giống cây trồng Hải Anh - Phú Thọ	5.661.724.018	-	5.661.724.018	-
+ Đại lý LIM KUON HENG	-	-	1.457.580.972	437.274.292
+ Đại lý SENG HUN	-	-	81.195.761	40.597.881
+ Đại lý SOK NAY	65.384.082	65.384.082	457.398.278	137.219.483
+ Đại lý THAI HEANG	-	-	498.716.771	236.051.302
+ Đối tượng khác	24.115.670.831	4.819.672.943	28.082.507.968	13.589.579.573

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 44

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	51.313.843.172	38.467.368.120	32.044.606.019	2.884.944.028	1.272.189.696	125.982.951.036
Mua trong năm	-	751.820.000	368.043.270	-	-	1.119.863.270
Tăng khác	-	-	614.904.633	-	-	614.904.633
Thanh lý, nhượng bán	(6.215.794.486)	(817.813.068)	(3.351.633.996)	-	-	(10.385.241.550)
Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	-	(72.031.766)	(95.814.132)	-	-	(167.845.898)
Số dư cuối năm	45.098.048.686	38.329.343.287	29.580.105.794	2.884.944.028	1.272.189.696	117.164.631.491
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	38.487.474.888	33.356.026.483	27.569.846.170	2.884.944.028	768.063.186	103.066.354.756
Khấu hao trong năm	2.402.386.798	1.966.977.790	1.365.494.627	-	188.007.864	5.922.867.079
Thanh lý, nhượng bán	(4.015.279.381)	(817.813.068)	(3.351.633.996)	-	-	(8.184.726.444)
Chênh lệch do chuyển đổi BCTC	-	(68.757.546)	(104.555.394)	-	-	(173.312.940)
Số dư cuối năm	36.874.582.305	34.436.433.661	25.479.151.407	2.884.944.028	956.071.050	100.631.182.451
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	12.826.368.284	5.111.341.637	4.474.759.849	-	504.126.510	22.916.596.280
Số dư cuối năm	8.223.466.381	3.892.909.626	4.100.954.387	-	316.118.646	16.533.449.040

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.720.850.451 VND.
* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 95.738.065.059 VND.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 43

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	105.300.000.000	782.715.818	8.122.496.962	14.052.949.670	26.965.268.068	155.223.430.518
- Lãi trong năm	-	-	-	-	28.027.996.079	28.027.996.079
- Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	(10.530.000.000)	(10.530.000.000)
- Thù lao HĐQT & BKS	-	-	-	-	(326.400.000)	(326.400.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	1.830.485.932	(1.830.485.932)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.660.971.866)	(3.660.971.866)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	(612.996.787)	-	-	(612.996.787)
Số dư cuối năm trước	105.300.000.000	782.715.818	7.509.500.175	15.883.435.602	38.645.406.349	168.121.057.944
Số dư đầu năm	105.300.000.000	782.715.818	7.509.500.175	15.883.435.602	38.645.406.349	168.121.057.944
- Lãi trong năm	-	-	-	-	30.858.714.994	30.858.714.994
- Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	(15.795.000.000)	(15.795.000.000)
- Thù lao HĐQT & BKS	-	-	-	-	(150.000.000)	(150.000.000)
- Tiền khen thưởng ban điều hành công ty năm 2015	-	-	-	-	(280.000.000)	(280.000.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	5.575.199.216	(5.575.199.216)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.575.199.216)	(5.575.199.216)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	862.519.600	-	-	862.519.600
- Tăng khác	-	-	-	-	15.253.250	15.253.250
- Giảm khác	-	-	-	-	(133.250)	(133.250)
Số dư cuối năm	105.300.000.000	782.715.818	8.372.019.776	21.458.634.818	42.143.842.910	178.057.213.321

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 46

Mẫu số B 09 - DN/HN

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.16. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	Dự phòng	Giá trị	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015
Tài sản tài chính						
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.837.670.000	(1.363.308.800)	1.837.670.000	(1.201.190.000)	474.361.200	636.480.000
- Phải thu khách hàng	256.543.917.236	(22.684.739.900)	230.921.221.860	(19.527.019.178)	233.859.177.335	211.394.202.682
- Phải thu khác	25.683.273.771	(25.081.963.613)	25.034.639.213	(25.082.616.004)	601.310.158	(47.976.791)
- Tiền và các khoản tương đương tiền	91.406.420.924	-	45.937.234.582	-	91.406.420.924	45.937.234.582
- Tài sản tài chính khác	3.038.633.572	(4.215.393)	7.940.820.838	(1.963.055)	3.034.418.179	7.938.857.783
TỔNG CỘNG	378.509.915.503	(49.134.227.706)	311.671.586.493	(45.812.788.237)	329.375.687.796	265.858.798.256
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	39.863.013.190	-	76.123.309.588	-	39.863.013.190	76.123.309.588
- Phải trả người bán	300.656.634.563	-	243.584.690.850	-	300.656.634.563	243.584.690.850
- Phải trả khác	15.860.469.218	-	11.138.284.580	-	15.860.469.218	11.138.284.580
- Chi phí phải trả	1.876.622.765	-	2.029.315.568	-	1.876.622.765	2.029.315.568
TỔNG CỘNG	358.256.739.736	-	332.875.600.585	-	358.256.739.736	332.875.600.585

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất.

Trang 47

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII.4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Công ty chỉ kinh doanh trong lĩnh vực thuốc bảo vệ thực vật. Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý chủ yếu dựa trên các khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ chứ không dựa trên lĩnh vực kinh doanh. Do vậy, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty được lập theo Khu vực địa lý và không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Chi tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Đông	Tây Nguyên	Miền Tây	Vương quốc Campuchia	Quốc gia Lào	Tổng cộng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
I. Doanh thu thuần										
Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	185.223.151.639	24.352.877.672	218.412.373.970	66.906.265.073	190.879.855.298	175.358.144.249	2.362.494.822	863.495.162.723	-	863.495.162.723
Doanh thu thuần từ bán hàng bán cho bộ phận khác	2.404.482.974	263.151.946	527.834.371.617	508.596.600	2.291.839.215	-	-	533.302.442.352	(533.302.442.352)	-
2. Chi phí										
Giá vốn	167.086.192.581	21.057.320.141	103.363.661.489	56.724.273.227	164.389.884.959	146.118.991.417	1.931.891.071	660.672.214.886	-	660.672.214.886
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.136.959.058	3.295.557.531	115.048.712.481	10.181.991.846	26.489.970.339	29.239.152.831	430.603.751	202.822.947.837	-	202.822.947.837
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	421.880.000	-	-	357.713.974	-	779.593.974	-	779.593.974
5. Tài sản bộ phận	138.147.692.384	18.163.462.956	162.901.695.523	49.901.678.295	142.366.714.413	-	-	511.481.243.570	-	511.481.243.570
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	75.601.243.981	4.762.300.390	80.363.544.371	-	80.363.544.371
Tổng tài sản	138.147.692.384	18.163.462.956	162.901.695.523	49.901.678.295	142.366.714.413	75.601.243.981	4.762.300.390	591.844.787.942	-	591.844.787.942
7. Nợ phải trả bộ phận	89.367.956.423	11.749.972.351	105.381.359.438	32.281.473.069	92.097.248.316	-	-	330.878.009.597	-	330.878.009.597
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	57.422.423.720	25.487.141.302	82.909.565.022	-	82.909.565.022
Tổng nợ phải trả	89.367.956.423	11.749.972.351	105.381.359.438	32.281.473.069	92.097.248.316	57.422.423.720	25.487.141.302	413.787.574.620	-	413.787.574.620

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.



Trang 48

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày...31...tháng 3... năm 2017

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

C.P.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SAIGON

SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY

Khu phố 1, Đường Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. HCM.

ĐT: (028)38733666 - FAX: (028) 38733003

<http://www.spchcmc.com.vn>



**HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
ĐƯỢC BÌNH CHỌN LIÊN TỤC TỪ NĂM 2005 ĐẾN NAY**

ISO 9001 : 2008 | ISO / IEC 17025 | ISO 14001 : 2004